BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Văn Lực Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003					C24CK1	
2	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004					C24CK2	
3	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004					C24CK2	
4	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004					C24CK2	
5	2210040055	Lê Trần Khánh	**Duy**	15/05/2004					C24CK2	
6	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004					C24CK1	
7	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004					C24CK2	
8	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004					C24CK2	
9	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004					C24CK1	
10	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004					C24CK2	
11	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004					C24CK1	
12	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004					C24CK1	
13	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004					C24CK1	
14	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004					C24CK2	
15	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004					C24CK1	
16	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003					C24CK1	
17	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004					C24CK2	
18	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004					C24CK1	
19	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004					C24CK1	
20	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004					C24CK2	
21	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004					C24CK2	
22	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004					C24CK2	
23	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004					C24CK1	
24	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004					C24CK1	
25	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/20/2004					C24CK2	
26	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003					C24CK1	
27	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004					C24CK2	
28	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004					C24CK1	
29	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003					C24CK2	
30	2210040070	Đinh Hoài	**Phong**	05/09/2004					C24CK2	
31	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004					C24CK1	
32	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003					C24CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004					C24CK2	
34	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004					C24CK1	
35	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004					C24CK1	
36	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004					C24CK1	
37	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004					C24CK1	
38	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004					C24CK1	
39	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004					C24CK2	
40	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004					C24CK2	
41	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003					C24CK2	
42	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004					C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901602 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004					C24CK2	
2	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004					C24CK3	
3	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004					C24CK2	
4	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004					C24CK3	
5	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004					C24CK3	
6	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003					C24CK3	
7	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004					C24CK2	
8	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004					C24CK3	
9	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004					C24CK3	
10	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004					C24CK3	
11	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003					C24CK3	
12	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003					C24CK3	
13	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
14	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004					C24CK3	
15	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004					C24CK3	
16	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004					C24CK3	
17	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	
18	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004					C24CK3	
19	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004					C24CK3	
20	2210040005	Nguyễn Gia	**Kỳ**	29/01/2003					C24CK1	
21	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004					C24CK3	
22	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	**Luân**	04/09/2004					C24CK2	
23	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004					C24CK2	
24	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004					C24CK2	
25	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004					C24CK2	
26	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004					C24CK3	
27	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004					C24CK3	
28	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004					C24CK3	
29	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004					C24CK2	
30	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003					C24CK3	
31	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
32	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004					C24CK3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004					C24CK3	
34	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004					C24CK2	
35	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004					C24CK2	
36	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004					C24CK3	
37	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004					C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901603 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004					C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003					C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004					C24KT1	
4	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003					C24KT2	
5	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994					C24KT2	
6	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002					C24KT1	
7	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003					C24KT1	
8	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002					C24KT1	
9	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001					C24KT2	
10	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000					C24KT1	
11	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
12	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004					C24KT2	
13	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004					C24KT2	
14	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004					C24KT2	
15	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004					C24KT1	
16	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004					C24KT2	
17	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004					C24KT1	
18	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004					C24KT1	
19	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004					C24KT1	
20	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004					C24KT2	
21	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004					C24KT1	
22	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004					C24KT1	
23	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004					C24KT2	
24	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004					C24KT1	
25	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004					C24KT2	
26	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
27	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004					C24KT1	
28	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004					C24KT2	
29	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004					C24KT2	
30	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004					C24KT2	
31	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004					C24KT1	
32	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003					C24KT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004					C24KT1	
34	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998					C24KT2	
35	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002					C24KT1	
36	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
37	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004					C24KT1	
38	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004					C24KT1	
39	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901604 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001					C24KT2	
2	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004					C24KT2	
3	2010040002	Nguyễn Minh	**Cường**	31/01/2002					C22CK1	
4	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000					C24KT1	
5	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
6	2010040040	Nguyễn Vũ	**Khoa**	06/09/2002					C22CK2	
7	2210010142	Phùng Ngọc Đăng	**Khoa**	29/08/2003					C24TH4	
8	2010040021	Huỳnh Văn	**Lạc**	14/07/2001					C22CK1	
9	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004					C24KT2	
10	2010040033	Nguyễn Đức	**Lợi**	06/08/2002					C22CK2	
11	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004					C24KT1	
12	2110100215	Cao Thị Hoài	**Nhi**	19/10/2003					C23QT4	
13	2210130001	Nguyễn Ngọc Yến	**Nhi**	19/11/2003					C24TA	
14	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003					C24TH4	
15	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001					C22QT5	
16	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
17	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000					C24KT1	
18	2210130002	Phan Ngọc	**Quyên**	17/11/2003					C24TA	
19	2210130025	Dương Minh	**Thái**	17/05/2004					C24TA	
20	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004					C24KT2	
21	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001					C24KT1	
22	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004					C24KT2	
23	2210130022	Trần Thị Tường	**Vi**	25/04/2004					C24TA	
24	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003					C23QT6	
25	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901605 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Văn Lực Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004					C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004					C24TC1	
3	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004					C24TC2	
4	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004					C24TC2	
5	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003					C24TC1	
6	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004					C24TC1	
7	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004					C24TC1	
8	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004					C24TC1	
9	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/04/2004					C24TC1	
10	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003					C24TC1	
11	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004					C24TC1	
12	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004					C24TC2	
13	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003					C24TC2	
14	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004					C24TC2	
15	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003					C24TC1	
16	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001					C24TC1	
17	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004					C24TC2	
18	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004					C24TC2	
19	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004					C24TC2	
20	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004					C24TC1	
21	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004					C24TC1	
22	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004					C24TC2	
23	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003					C24TC2	
24	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003					C24TC2	
25	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004					C24TC1	
26	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004					C24TC2	
27	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004					C24TC1	
28	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	
29	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004					C24TC1	
30	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003					C24TC2	
31	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004					C24TC2	
32	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004					C24TC2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004					C24TC2	
34	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004					C24TC2	
35	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004					C24TC2	
36	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901606 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	**An**	21/04/2004					C24DDT	
2	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân	**Anh**	02/10/2003					C24TA	
3	2210130008	Nguyễn Thị Phương	**Anh**	20/10/2004					C24TA	
4	2210030013	Lý Gia	**Bảo**	04/09/2004					C24DDT	
5	2210030006	Trần Gia	**Bảo**	02/11/2004					C24DDT	
6	2210130013	Lương Y	**Bình**	14/03/2004					C24TA	
7	2210030002	Lê Minh	**Cẩn**	06/12/2004					C24DDT	
8	2210010037	Trần Thiện	**Công**	30/05/2004					C24DDT	
9	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	**Duy**	01/03/2004					C24DDT	
10	2210030027	Ngô Lê Gia	**Đạt**	27/04/2004					C24DDT	
11	2210030028	Nguyễn Lê Y	**Đức**	28/08/2004					C24DDT	
12	2210130026	Đặng Nguyễn Kim	**Hằng**	27/06/2004					C24TA	
13	2210130020	Trần Thị Ngọc	**Hân**	07/10/2003					C24TA	
14	2210130029	Võ Thị Thanh	**Hậu**	17/05/2004					C24TA	
15	2210130035	Hồ Minh	**Hên**	11/04/2004					C24TA	
16	2210030022	Huỳnh Quang	**Huy**	26/04/2003					C24DDT	
17	2210030021	Lâm Gia	**Huy**	19/01/2004					C24DDT	
18	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004					C24DDT	
19	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004					C24DDT	
20	2210130030	Đỗ Thị Diệu	**Linh**	25/10/2004					C24TA	
21	2210130023	Cao Thành	**Long**	28/10/2004					C24TA	
22	2210130031	Trần Thị Kim	**Ngân**	21/10/2004					C24TA	
23	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004					C24DDT	
24	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004					C24DDT	
25	2210130028	Lưu Hồng	**Ngọc**	07/06/2003					C24TA	
26	2210130011	Phạm Thị Xuân	**Nhi**	30/05/2004					C24TA	
27	2210130016	Nguyễn Anh	**Phát**	26/02/2004					C24TA	
28	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004					C24DDT	
29	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004					C24DDT	
30	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002					C24DDT	
31	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004					C24DDT	
32	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003					C24DDT	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210130017	Phan Đặng Như	**Quỳnh**	09/06/2004					C24TA	
34	2210130021	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	16/11/2004					C24TA	
35	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004					C24DDT	
36	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003					C24DDT	
37	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004					C24DDT	
38	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương	**Thư**	17/04/2004					C24TA	
39	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh	**Thư**	01/04/2004					C24TA	
40	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004					C24DDT	
41	2210130007	Nguyễn Huyền	**Trân**	09/05/2004					C24TA	
42	2210130012	Phạm Huỳnh Diễm	**Trinh**	12/09/2004					C24TA	
43	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004					C24DDT	
44	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004					C24DDT	
45	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002					C24DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110901606 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210130004	Võ Ngọc Phương	**Vy**	19/04/2003					C24TA	
2	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi	**Yến**	27/11/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902702 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004					C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003					C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004					C24KT1	
4	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004					C24TC1	
5	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001					C24KT2	
6	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004					C24TC1	
7	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004					C24KT2	
8	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003					C24KT2	
9	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003					C24TC1	
10	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994					C24KT2	
11	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002					C24KT1	
12	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004					C24TC1	
13	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003					C24KT1	
14	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002					C24KT1	
15	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001					C24KT2	
16	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000					C24KT1	
17	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004					C24TC1	
18	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000					C24KT1	
19	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004					C24TC1	
20	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004					C24KT2	
21	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/04/2004					C24TC1	
22	2210110021	Dương Thị Diễm	**Kiều**	20/09/2004					C24KT1	
23	2210110022	Dương Thị Trúc	**Linh**	31/12/2004					C24KT1	
24	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004					C24KT2	
25	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004					C24KT2	
26	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004					C24KT2	
27	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004					C24KT1	
28	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004					C24KT2	
29	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004					C24TC1	
30	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004					C24KT1	
31	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004					C24KT1	
32	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004					C24KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004					C24KT1	
34	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004					C24KT2	
35	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004					C24KT1	
36	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003					C24TC1	
37	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004					C24KT1	
38	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004					C24KT2	
39	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004					C24KT1	
40	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004					C24KT2	
41	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001					C24TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902702 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000					C24KT1	
2	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004					C24KT1	
3	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004					C24TC1	
4	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004					C24TC1	
5	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004					C24KT2	
6	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004					C24TC1	
7	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003					C24KT2	
8	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004					C24KT2	
9	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004					C24KT2	
10	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004					C24TC1	
11	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	
12	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004					C24TC1	
13	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004					C24KT1	
14	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003					C24KT2	
15	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004					C24KT1	
16	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998					C24KT2	
17	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004					C24KT2	
18	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001					C24KT1	
19	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002					C24KT1	
20	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
21	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004					C24KT2	
22	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004					C24KT1	
23	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004					C24KT2	
24	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004					C24KT1	
25	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902704 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004					C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004					C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003					C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004					C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004					C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004					C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004					C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004					C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004					C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004					C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004					C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004					C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004					C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004					C24QT4	
15	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004					C24QT3	
16	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004					C24QT4	
17	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004					C24QT4	
18	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004					C24QT4	
19	2010040015	Trần Khánh	**Linh**	12/04/2000					C22CK1	
20	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000					C24QT3	
21	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004					C24QT3	
22	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004					C24QT3	
23	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004					C24QT4	
24	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004					C24QT3	
25	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004					C24QT3	
26	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004					C24QT4	
27	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004					C24QT3	
28	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004					C24QT4	
29	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004					C24QT4	
30	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004					C24QT4	
31	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004					C24QT4	
32	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004					C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004					C24QT3	
34	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004					C24QT3	
35	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004					C24QT4	
36	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004					C24QT4	
37	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004					C24QT4	
38	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004					C24QT3	
39	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004					C24QT4	
40	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902704 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004					C24QT3	
2	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004					C24QT3	
3	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004					C24QT3	
4	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004					C24QT4	
5	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004					C24QT4	
6	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001					C24QT3	
7	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004					C24QT3	
8	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004					C24QT3	
9	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004					C24QT3	
10	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004					C24QT3	
11	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004					C24QT3	
12	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004					C24QT3	
13	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003					C24QT4	
14	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004					C24QT4	
15	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004					C24QT3	
16	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902705 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái	**An**	08/08/2004					C24QT6	
2	2210100171	Đặng Quỳnh	**Anh**	23/04/2004					C24QT5	
3	2210100212	Lê Thị Hồng	**Anh**	27/04/2003					C24QT6	
4	2210100207	Lý Thảo	**Anh**	30/06/2004					C24QT6	
5	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn	**Anh**	23/03/2004					C24QT6	
6	2210100167	Võ Kim	**Anh**	22/11/2004					C24QT5	
7	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	**Ái**	18/09/2004					C24QT6	
8	2210100153	Âu Hoài	**Ân**	29/10/2004					C24QT5	
9	2210100178	Bùi Nguyễn Việt	**Cường**	14/10/2004					C24QT5	
10	2210100150	Lê Thị Kim	**Dung**	15/08/2004					C24QT5	
11	2210100151	Lê Đặng Mỹ	**Duyên**	10/07/2004					C24QT5	
12	2210100154	Phạm Thị Tuyết	**Dương**	09/11/2004					C24QT5	
13	2210100220	Hồ Phát	**Đạt**	15/07/2004					C24QT7	
14	2210100219	Trần Tấn	**Đạt**	26/03/2004					C24QT7	
15	2210100156	Trương Tấn	**Đạt**	15/04/2004					C24QT5	
16	2210100157	Nguyễn	**Đức**	12/05/2004					C24QT5	
17	2210100164	Lê Thị Thu	**Hà**	05/06/2003					C24QT5	
18	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	19/08/2004					C24QT7	
19	2210100158	Đặng Minh	**Hiếu**	10/03/2004					C24QT5	
20	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
21	2210100162	Nguyễn Thị Diễm	**Huỳnh**	16/07/2004					C24QT5	
22	2210100213	Võ Trọng	**Hùng**	20/10/2003					C24QT6	
23	2210100204	Nguyễn Thị Trúc	**Hương**	04/09/2004					C24QT6	
24	2210100205	Đoái Dĩ	**Khang**	18/01/2004					C24QT6	
25	2210100214	Nguyễn Đình	**Khôi**	25/09/2004					C24QT6	
26	2210100194	Nguyễn Hà	**My**	04/09/2004					C24QT6	
27	2210100211	Văn Thị Kim	**Ngân**	27/09/2004					C24QT6	
28	2210100188	Lê Thị Hoài	**Ngọc**	04/08/2002					C24QT6	
29	2210100195	Phạm Như	**Ngọc**	21/09/2004					C24QT6	
30	2210100226	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	12/01/2004					C24QT7	
31	2210100166	Nguyễn Thị Uyên	**Nhi**	02/10/2004					C24QT5	
32	2210100190	Trần Thị Phương	**Nhi**	14/06/2004					C24QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100209	Võ Thị Quỳnh	**Như**	29/02/2004					C24QT6	
34	2210100210	Nguyễn Thái	**Phong**	22/04/2002					C24QT6	
35	2210010115	Nguyễn Thanh	**Phú**	30/07/2004					C24QT7	
36	2210100227	Võ Ngọc Phi	**Phụng**	24/05/2004					C24QT7	
37	2210100172	Cao Thị Mỹ	**Quyền**	02/12/2004					C24QT5	
38	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	
39	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Tâm**	05/02/2004					C24QT6	
40	2210100176	Trần Quốc	**Thanh**	02/06/2002					C24QT5	
41	2210100191	Lê Minh	**Thư**	14/06/2004					C24QT6	
42	2210100193	Đào Thị Ngọc	**Thương**	03/11/2004					C24QT6	
43	2210100198	Phan Thành	**Thương**	16/02/2004					C24QT6	
44	2210100174	Võ Nguyễn Kiều	**Tiên**	26/03/2003					C24QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902705 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100146	Ngô Trương Thanh	**Mai**	25/11/2004					C24QT5	
2	2210100224	Trương Thanh	**Ngân**	12/01/2004					C24QT7	
3	2210100159	Phạm Thị Yến	**Nhi**	15/06/2004					C24QT5	
4	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
5	2210100144	Nguyễn Thị Kiều	**Quyên**	03/09/2004					C24QT5	Nợ HP
6	2210100147	Hồ Lê Thanh	**Thảo**	02/11/2004					C24QT5	
7	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
8	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	31/08/2000					C24QT6	
9	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	**Thu**	15/11/2004					C24QT6	
10	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	
11	2210100183	Lê Hoàng Trọng	**Tín**	18/07/2000					C24QT6	
12	2210100152	Nguyễn Quốc	**Tín**	26/10/2002					C24QT5	
13	2210100148	Cù Thị Quỳnh	**Trâm**	14/09/2004					C24QT5	
14	2210100149	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	20/05/2004					C24QT5	
15	2210100200	Phạm Trần Tuyết	**Trinh**	21/02/2004					C24QT6	
16	2210100223	Thái Đình	**Trí**	14/01/2003					C24QT7	
17	2210100196	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	11/02/2004					C24QT6	
18	2210100185	Trần Thị Mộng	**Tuyền**	15/10/2004					C24QT6	
19	2210100218	Nguyễn Đức	**Tuyến**	15/11/2004					C24QT7	
20	2210100177	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	08/05/2004					C24QT5	
21	2210040003	Nguyễn Đào Anh	**Tú**	18/06/2003					C24QT5	
22	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	**Uyên**	20/09/2004					C24QT6	
23	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	**Vân**	27/04/2004					C24QT7	
24	2210100180	Nguyễn Trí	**Vinh**	20/10/2004					C24QT6	
25	2210100165	Nguyễn Yến	**Vy**	24/09/2004					C24QT5	
26	2210100155	Nguyễn Thị Như	**Ý**	25/06/2004					C24QT5	
27	2210100206	Trần Như	**Ý**	09/10/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902706 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần	**An**	19/06/2004					C24TH1	
2	2210010038	Bùi Minh	**Danh**	09/09/2003					C24TH2	
3	2210010013	Nguyễn Thanh	**Danh**	12/06/2003					C24TH1	
4	2210010020	Lê Biện Nguyền	**Diễm**	17/02/2004					C24TH1	
5	2210010066	Trần Vũ	**Duy**	07/04/2004					C24TH2	
6	2210010045	Đoàn Hải	**Dương**	05/02/2004					C24TH2	
7	2210010001	Nguyễn Tấn	**Đạt**	26/07/2003					C24TH1	
8	2210010067	Trần Văn	**Đạt**	28/08/2004					C24TH2	
9	2210010040	Lâm Thế	**Hiển**	26/09/2004					C24TH2	
10	2210010068	Nguyễn Văn	**Hoàng**	24/10/2004					C24TH2	
11	2210010064	Phạm Lê Thanh	**Hoàng**	13/09/2004					C24TH2	
12	2210010056	Lê Thanh	**Huy**	10/02/2004					C24TH2	
13	2210010048	Mai Thị Yến	**Huỳnh**	02/12/2004					C24TH1	
14	2210010021	Nguyễn Thị Kim	**Hương**	29/10/2004					C24TH1	
15	2210010019	Phùng Thái Nhật	**Hương**	25/03/2004					C24TH1	
16	2210010044	Lâm Phương	**Khánh**	19/01/2004					C24TH2	
17	2210010022	Nguyễn Lê Anh	**Khoa**	14/09/2004					C24TH1	
18	2210010051	Trần Thanh	**Khoa**	29/10/2003					C24TH2	
19	2210010009	Võ Đức	**Khoa**	20/08/2003					C24TH1	
20	2210010026	Võ Trung	**Kiệt**	04/08/2003					C24TH1	
21	2210010058	Phạm Thùy	**Linh**	27/10/2004					C24TH2	
22	2210010015	Tăng Bội	**Linh**	17/02/2004					C24TH1	
23	2210010072	Lê Văn	**Lộc**	08/11/2004					C24TH2	
24	2210010043	Phan Văn	**Lượng**	13/10/2003					C24TH2	
25	2210010016	Châu Thị Ái	**My**	17/08/2004					C24TH1	
26	2210010073	Trần Cao Kim	**Ngân**	10/08/2004					C24TH2	
27	2210010065	Lê Như	**Ngọc**	16/08/2004					C24TH2	
28	2210010060	Văn Phước	**Ngời**	09/01/2003					C24TH2	
29	2210010035	Lâm Chí	**Nguyên**	10/11/2004					C24TH1	
30	2210010046	Nguyễn Minh	**Nhân**	20/03/2004					C24TH2	
31	2210010047	Bùi Tấn	**Phát**	04/12/2004					C24TH2	
32	2210010057	Nguyễn Thị Linh	**Phương**	25/12/2004					C24TH2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210010034	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	06/06/2004					C24TH2	
34	2210010003	Trương Mưu	**Tấn**	06/02/2003					C24TH1	
35	2210010007	Thượng Hồng	**Thắm**	08/07/2003					C24TH1	
36	2210010028	Bùi Huy	**Thuận**	25/02/2003					C24TH1	
37	2210010042	Nguyễn Trần Anh	**Thư**	18/08/2004					C24TH2	
38	2210010024	Lê Hoàng	**Tiến**	02/05/2004					C24TH1	
39	2210010071	Nguyễn Hữu	**Tình**	25/07/2004					C24TH2	
40	2210010085	Phạm Anh	**Toàn**	27/05/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902706 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010032	Lê Minh	**Trung**	28/10/2000					C24TH1	
2	2210010027	Lê Thị Thanh	**Trúc**	22/10/2004					C24TH2	
3	2210010012	Lê Anh	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
4	2210010011	Lê Quốc	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
5	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh	**Tuấn**	08/10/2003					C24TH1	
6	2210010002	Nguyễn Lê Phương	**Vy**	26/08/2001					C24TH1	
7	2210010014	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/10/2004					C24TH1	
8	2210010069	Huỳnh Ang Hải	**Yến**	28/07/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902707 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	**An**	21/04/2004					C24DDT	
2	2210010082	Phạm Nhựt	**Anh**	28/06/2004					C24TH3	
3	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004					C24TH4	
4	2210010074	Đào Lâm Gia	**Bảo**	22/09/2004					C24TH3	
5	2210030013	Lý Gia	**Bảo**	04/09/2004					C24DDT	
6	2210030006	Trần Gia	**Bảo**	02/11/2004					C24DDT	
7	2210010076	Trần Duy	**Bằng**	08/11/2004					C24TH3	
8	2210030002	Lê Minh	**Cẩn**	06/12/2004					C24DDT	
9	2210010037	Trần Thiện	**Công**	30/05/2004					C24DDT	
10	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	**Duy**	01/03/2004					C24DDT	
11	2210010099	Đinh Trường	**Duy**	16/12/2004					C24TH3	
12	2210010078	Nguyễn Tiến	**Dũng**	12/09/2004					C24TH3	
13	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	21/06/2004					C24TH3	
14	2210030016	Bành Bửu	**Đạt**	09/05/2004					C24DDT	
15	2210030027	Ngô Lê Gia	**Đạt**	27/04/2004					C24DDT	
16	2210030028	Nguyễn Lê Y	**Đức**	28/08/2004					C24DDT	
17	2210010077	Lý Hoàng	**Hải**	17/11/2004					C24TH3	
18	2210030022	Huỳnh Quang	**Huy**	26/04/2003					C24DDT	
19	2210030021	Lâm Gia	**Huy**	19/01/2004					C24DDT	
20	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004					C24TH4	
21	2210010075	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/06/2004					C24TH3	
22	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004					C24DDT	
23	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
24	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004					C24DDT	
25	2210010141	Đỗ Văn Hoàng	**Khanh**	08/12/2002					C24TH4	
26	2210010142	Phùng Ngọc Đăng	**Khoa**	29/08/2003					C24TH4	
27	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004					C24TH4	
28	2210010108	Trần Huê	**Lộc**	14/12/2002					C24TH3	
29	2210010087	Hà Ngọc	**Lương**	26/02/2004					C24DDT	
30	2210010105	Huỳnh Xuân	**Mạnh**	06/09/2004					C24TH3	
31	2210010097	Võ Trịnh Nhật	**Minh**	29/12/2004					C24TH3	
32	2210010091	Phan Hoài	**Nam**	19/04/2004					C24TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004					C24DDT	
34	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004					C24DDT	
35	2210010102	Phạm Hoài	**Nhân**	03/10/2004					C24TH3	
36	2210010103	Trần Thanh	**Nhựt**	12/03/2004					C24TH3	
37	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003					C24TH4	
38	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
39	2210010096	Nguyễn Chí	**Phi**	09/01/2004					C24TH3	
40	2210010084	Nguyễn Văn	**Phú**	29/12/2003					C24TH3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902707 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030012	Lý Ngọc	**Huy**	07/08/2004					C24DDT	Nợ HP
2	2210010086	Nguyễn Tiến	**Phát**	07/03/2004					C24TH3	
3	2210010095	Hồ Nguyễn	**Phong**	30/12/2004					C24TH3	
4	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004					C24DDT	
5	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004					C24DDT	
6	2210010089	Hoàng Sỹ	**Phương**	27/08/2003					C24TH3	
7	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002					C24DDT	
8	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004					C24DDT	
9	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003					C24DDT	
10	2210010080	Nhan Trường	**Sáng**	30/03/2004					C24TH3	
11	2210010107	Lê Anh	**Tài**	02/04/2004					C24TH3	
12	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004					C24DDT	
13	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004					C24TH4	
14	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003					C24DDT	
15	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004					C24DDT	
16	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004					C24TH4	
17	2210010088	Lê Thị Ngọc	**Thùy**	13/12/2004					C24TH3	
18	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004					C24DDT	
19	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004					C24TH4	
20	2210010079	Nguyễn Mạnh	**Trường**	22/08/2004					C24TH3	
21	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004					C24DDT	
22	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004					C24DDT	
23	2210010110	Lê Quang	**Vinh**	05/12/2004					C24TH3	
24	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002					C24DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902703 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Quách Thanh Vĩ

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
8	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
9	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
10	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
11	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
12	2210100081	Lê Hoàng Tuyết	**Hân**	18/07/2004					C24QT2	
13	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
16	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
17	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
18	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
19	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
20	2210100041	Trương Đăng	**Khoa**	02/07/2004					C24QT2	
21	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
22	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	15/12/2004					C24QT2	
23	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
24	2210100044	Tạ Thị Ngọc	**Mai**	15/02/2004					C24QT2	
25	2210100050	Phan Tiểu	**Mẫn**	29/05/2004					C24QT2	
26	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
27	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
28	2210100047	Hà Thị Mỹ	**Ngọc**	17/04/2004					C24QT2	
29	1910040004	Trần Vũ	**Nguyên**	15/08/2001					C21CK	
30	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	
31	2210100040	Đỗ Thị	**Nhi**	29/07/2004					C24QT2	
32	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	25/03/2004					C24QT2	
34	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
35	2210100063	Nguyễn Thị	**Oanh**	15/01/2004					C24QT2	
36	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001					C22QT5	
37	2210100058	Lê Kim	**Phượng**	19/06/2003					C24QT2	
38	2210100057	Lăng Tiến	**Quốc**	26/01/2004					C24QT2	
39	2210100045	Phạm Thị Phương	**Quyên**	25/08/2004					C24QT2	
40	2210100046	Đỗ Ngọc	**Sơn**	09/10/2004					C24QT2	
41	2210100036	Trần Thị Phương	**Thảo**	06/07/2004					C24QT2	
42	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902703 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Quách Thanh Vĩ Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
2	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
3	2210100033	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	13/08/2004					C24QT2	
4	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	
5	2210100052	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	03/11/2004					C24QT2	
6	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
7	2210100055	Đàm Thị Thanh	**Thúy**	09/11/2002					C24QT2	
8	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
9	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
10	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
11	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
12	2210100070	Bùi Ngọc	**Tuyết**	08/12/2004					C24QT2	
13	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
14	2210100025	Nguyễn Thị Yến	**Vi**	06/03/2004					C24QT2	
15	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
16	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003					C24CK1	
2	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004					C24CK2	
3	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004					C24CK2	
4	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004					C24CK2	
5	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004					C24CK2	
6	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004					C24CK2	
7	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004					C24CK1	
8	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004					C24CK2	
9	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004					C24CK2	
10	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004					C24CK2	
11	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004					C24CK1	
12	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004					C24CK2	
13	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004					C24CK1	
14	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004					C24CK1	
15	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004					C24CK1	
16	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004					C24CK2	
17	2210040008	Phạm Quốc	**Huy**	15/09/2003					C24CK1	
18	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004					C24CK1	
19	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003					C24CK1	
20	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004					C24CK2	
21	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004					C24CK1	
22	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004					C24CK1	
23	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004					C24CK2	
24	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004					C24CK2	
25	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004					C24CK2	
26	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	
27	2210040005	Nguyễn Gia	**Kỳ**	29/01/2003					C24CK1	
28	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004					C24CK1	
29	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004					C24CK1	
30	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/20/2004					C24CK2	
31	2010040033	Nguyễn Đức	**Lợi**	06/08/2002					C22CK2	
32	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003					C24CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	**Luân**	04/09/2004					C24CK2	
34	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004					C24CK2	
35	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004					C24CK2	
36	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004					C24CK1	
37	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004					C24CK2	
38	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003					C24CK2	
39	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004					C24CK2	
40	2210040070	Đinh Hoài	**Phong**	05/09/2004					C24CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902701 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004					C24CK1	
2	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003					C24CK1	
3	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004					C24CK2	
4	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004					C24CK2	
5	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004					C24CK1	
6	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004					C24CK1	
7	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004					C24CK1	
8	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004					C24CK1	
9	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004					C24CK1	
10	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004					C24CK2	
11	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004					C24CK2	
12	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004					C24CK2	
13	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004					C24CK2	
14	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003					C24CK2	
15	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004					C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: MH110902708 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Minh Châu

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân	**Anh**	02/10/2003					C24TA	
2	2210130013	Lương Y	**Bình**	14/03/2004					C24TA	
3	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004					C24CK3	
4	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004					C24TC2	
5	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004					C24CK3	
6	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003					C24CK3	
7	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004					C24CK3	
8	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004					C24CK3	
9	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004					C24CK3	
10	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004					C24TC2	
11	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003					C24CK3	
12	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003					C24CK3	
13	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
14	2210130026	Đặng Nguyễn Kim	**Hằng**	27/06/2004					C24TA	
15	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004					C24CK3	
16	2210130020	Trần Thị Ngọc	**Hân**	07/10/2003					C24TA	
17	2210130029	Võ Thị Thanh	**Hậu**	17/05/2004					C24TA	
18	2210130035	Hồ Minh	**Hên**	11/04/2004					C24TA	
19	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004					C24CK3	
20	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004					C24CK3	
21	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004					C24CK3	
22	2210130030	Đỗ Thị Diệu	**Linh**	25/10/2004					C24TA	
23	2210130023	Cao Thành	**Long**	28/10/2004					C24TA	
24	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004					C24CK3	
25	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004					C24TC2	
26	2210130028	Lưu Hồng	**Ngọc**	07/06/2003					C24TA	
27	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003					C24TC2	
28	2210130001	Nguyễn Ngọc Yến	**Nhi**	19/11/2003					C24TA	
29	2210130011	Phạm Thị Xuân	**Nhi**	30/05/2004					C24TA	
30	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004					C24TC2	
31	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004					C24CK3	
32	2210130034	Nguyễn Thanh	**Phong**	09/05/2004					C24TA	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004					C24CK3	
34	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004					C24CK3	
35	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004					C24TC2	
36	2210130002	Phan Ngọc	**Quyên**	17/11/2003					C24TA	
37	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004					C24TC2	
38	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004					C24TC2	
39	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003					C24CK3	
40	2210130021	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	16/11/2004					C24TA	
41	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004					C24TC2	
42	2210130025	Dương Minh	**Thái**	17/05/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902708 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Minh Châu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004					C24CK3	Nợ HP
2	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004					C24CK3	Nợ HP
3	2210130031	Trần Thị Kim	**Ngân**	21/10/2004					C24TA	Nợ HP
4	2210130016	Nguyễn Anh	**Phát**	26/02/2004					C24TA	
5	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003					C24TC2	
6	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003					C24TC2	
7	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
8	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương	**Thư**	17/04/2004					C24TA	
9	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh	**Thư**	01/04/2004					C24TA	
10	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004					C24TC2	
11	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003					C24TC2	
12	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004					C24TC2	
13	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004					C24TC2	
14	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004					C24TC2	
15	2210130007	Nguyễn Huyền	**Trân**	09/05/2004					C24TA	
16	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004					C24TC2	
17	2210130012	Phạm Huỳnh Diễm	**Trinh**	12/09/2004					C24TA	
18	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004					C24CK3	
19	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004					C24CK3	
20	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004					C24TC2	
21	2210130022	Trần Thị Tường	**Vi**	25/04/2004					C24TA	
22	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004					C24CK3	
23	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004					C24CK3	
24	2210130004	Võ Ngọc Phương	**Vy**	19/04/2003					C24TA	
25	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004					C24TC2	
26	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi	**Yến**	27/11/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Đồ họa ứng dụng (Adobe illustrator) - MH1101039

Mã lớp học phần: MH110103901 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Võ Vân Anh

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi:**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110010008	Phan Thị Thùy	**Dương**	26/06/2003					C23TH1	
2	2110010027	Nguyễn Quốc	**Huy**	08/08/2003					C23TH1	
3	2110010001	Đoàn Chí	**Hưng**	21/02/2002					C23TH1	
4	2110010082	Nguyễn Duy	**Hữu**	03/12/2003					C23TH1	
5	2110010017	Nguyễn Hùng	**Khang**	09/11/2003					C23TH1	
6	2110010077	Ngô Hoài	**Linh**	06/05/2003					C23TH1	
7	2110010016	Phạm Thành	**Nhân**	11/08/2003					C23TH1	
8	2110010022	Trần Văn	**Phát**	30/01/2003					C23TH1	
9	2110010025	Nguyễn Nhật	**Phi**	08/10/2003					C23TH1	
10	2110010080	Lê Hữu	**Phúc**	04/02/2003					C23TH1	
11	2110010019	Lê Trọng	**Phúc**	04/11/2003					C23TH1	
12	2110010015	Lê Anh	**Quân**	01/03/2003					C23TH1	
13	2110010021	Lê Kiến	**Quốc**	26/10/2003					C23TH1	
14	2110010004	Trà Anh	**Quốc**	15/08/2003					C23TH1	
15	2110010020	Phạm Duy	**Sang**	23/02/2003					C23TH1	
16	2110010081	Phạm Văn Hoài	**Thanh**	19/01/2003					C23TH1	
17	2110010030	Bùi Huỳnh Quốc	**Thái**	01/09/2003					C23TH1	
18	2110010012	Trần Thị Kim	**Thoa**	04/03/2003					C23TH1	
19	2110010079	Lê Ngọc Anh	**Thư**	30/08/2003					C23TH1	
20	2110010034	Nguyễn Anh	**Thượng**	12/12/2003					C23TH1	
21	2110010018	Phạm Nguyễn Cẩm	**Tiên**	20/12/2003					C23TH1	
22	2110010005	Trương Thị Ngọc	**Trâm**	08/06/2003					C23TH1	
23	2110010026	Phạm Minh	**Tuấn**	30/12/2003					C23TH1	
24	2110010003	Trần Thanh	**Tú**	10/01/2002					C23TH1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thiết kế web cơ bản (HTML/CSS/JS) - MH1101035

Mã lớp học phần: MH110103501 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Đình Khôi

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi:**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần	**An**	19/06/2004					C24TH1	
2	2210010013	Nguyễn Thanh	**Danh**	12/06/2003					C24TH1	
3	2210010020	Lê Biện Nguyền	**Diễm**	17/02/2004					C24TH1	
4	2210010029	Lý Quốc	**Dinh**	22/01/2003					C24TH1	
5	2210010001	Nguyễn Tấn	**Đạt**	26/07/2003					C24TH1	
6	2210010048	Mai Thị Yến	**Huỳnh**	02/12/2004					C24TH1	
7	2210010021	Nguyễn Thị Kim	**Hương**	29/10/2004					C24TH1	
8	2210010019	Phùng Thái Nhật	**Hương**	25/03/2004					C24TH1	
9	2210010022	Nguyễn Lê Anh	**Khoa**	14/09/2004					C24TH1	
10	2210010009	Võ Đức	**Khoa**	20/08/2003					C24TH1	
11	2210010026	Võ Trung	**Kiệt**	04/08/2003					C24TH1	
12	2210010015	Tăng Bội	**Linh**	17/02/2004					C24TH1	
13	2210010016	Châu Thị Ái	**My**	17/08/2004					C24TH1	
14	2210010035	Lâm Chí	**Nguyên**	10/11/2004					C24TH1	
15	2210010006	Đinh Ngọc	**Phúc**	02/09/2003					C24TH1	
16	2210010003	Trương Mưu	**Tấn**	06/02/2003					C24TH1	
17	2210010007	Thượng Hồng	**Thắm**	08/07/2003					C24TH1	
18	2210010028	Bùi Huy	**Thuận**	25/02/2003					C24TH1	
19	2210010024	Lê Hoàng	**Tiến**	02/05/2004					C24TH1	
20	2210010032	Lê Minh	**Trung**	28/10/2000					C24TH1	
21	2210010012	Lê Anh	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
22	2210010011	Lê Quốc	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
23	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh	**Tuấn**	08/10/2003					C24TH1	
24	2210010030	Phan Vĩnh	**Tường**	04/10/2004					C24TH1	
25	2210010002	Nguyễn Lê Phương	**Vy**	26/08/2001					C24TH1	
26	2210010014	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/10/2004					C24TH1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Autocad nâng cao - MH1102135 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110213501 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	**An**	04/06/2003					C23CK2	
2	2110040074	Nguyễn Quốc	**Anh**	10/07/2002					C23CK1	
3	2110040029	Võ Quốc	**Anh**	18/02/2002					C23CK1	
4	2110040015	Nguyễn Quốc	**Bảo**	13/08/2003					C23CK1	
5	2110040030	Trần Vương Gia	**Bảo**	18/05/2003					C23CK1	
6	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003					C23CK1	
7	2110040070	Nguyễn Thanh	**Bình**	08/03/2002					C23CK2	
8	2110040031	Nguyễn Hoài	**Cảnh**	19/11/2003					C23CK1	
9	2110040021	La Đình	**Chương**	19/10/2003					C23CK1	
10	2110040014	Châu Tiên	**Cường**	06/10/2002					C23CK1	
11	2110040051	Nguyễn Chí	**Cường**	13/06/2002					C23CK2	
12	2110040018	Nguyễn Văn	**Dự**	15/10/2003					C23CK1	
13	2110040012	Bùi Thành	**Đạt**	18/10/2003					C23CK1	
14	2110040068	Nguyễn Tiến	**Đạt**	14/02/2003					C23CK2	
15	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003					C23CK1	
16	2110040027	Huỳnh Thanh	**Hải**	29/11/2000					C23CK1	
17	2110040044	Nguyễn Hoàng	**Hải**	02/03/2003					C23CK2	
18	2110040024	Hoàng Văn	**Huấn**	30/09/2003					C23CK1	
19	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003					C23CK1	
20	2110040043	Vương Bảnh	**Huy**	25/11/2003					C23CK2	
21	2110040004	Lê Văn Vũ	**Hưng**	27/11/2003					C23CK1	
22	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	**Hưng**	17/06/2002					C23CK2	
23	2110040025	Nguyễn Hoàng	**Mi**	09/06/2002					C23CK1	
24	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	**Nam**	10/10/2003					C23CK1	
25	2110040011	Nguyễn Hoàng	**Nam**	20/02/2003					C23CK1	
26	2110040003	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	11/11/2003					C23CK1	
27	2110040006	Đoàn Vĩnh	**Quang**	27/05/2003					C23CK1	
28	2110040022	Trần Trọng	**Tấn**	16/11/2003					C23CK1	
29	2110040005	Tô Minh	**Thạnh**	25/10/2003					C23CK1	
30	2110040010	Nguyễn Đức	**Thịnh**	29/01/2003					C23CK1	
31	2110010109	Nguyễn Ái Quang	**Thoại**	06/04/2003					C23CK1	
32	2110040001	La Đặng Nguyên	**Thuật**	14/10/2001					C23CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110040008	Đặng Thiên	**Tình**	16/08/2003					C23CK1	
34	2110040017	Lê Minh	**Trí**	01/11/2003					C23CK1	
35	2110040032	Võ Bá	**Tùng**	02/06/2003					C23CK1	
36	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003					C23CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Autocad nâng cao - MH1102135 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110213501 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040054	Nguyễn Tấn	**Hưng**	20/10/2003					C23CK2	
2	2110040047	Trần Chí	**Khiêm**	10/03/2003					C23CK2	
3	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	**Khoa**	10/05/2002					C23CK2	
4	2110040057	Trần Đình	**Khoa**	10/04/2003					C23CK2	
5	2110040045	Trần Hữu	**Liêm**	15/12/2003					C23CK2	
6	2110040042	Bùi Danh	**Mạnh**	21/10/2003					C23CK2	
7	2110040040	Mai Bá Vạn	**Minh**	26/07/2003					C23CK2	
8	2110040071	Nguyễn Thanh	**Minh**	29/04/2003					C23CK2	
9	2110040036	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	07/02/2003					C23CK2	
10	2110040067	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	12/05/2003					C23CK2	
11	2110040059	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	06/06/2003					C23CK2	
12	2110010029	Nguyễn Hoàng	**Sơn**	13/09/2003					C23CK2	
13	2110040048	Phan Thanh	**Tân**	19/07/2003					C23CK2	
14	2110040046	Nguyễn Lộc	**Thịnh**	21/02/2003					C23CK2	
15	2110040055	Nguyễn Trường	**Thọ**	23/12/2003					C23CK2	
16	2110040037	Trần Minh	**Thuận**	22/06/2003					C23CK2	
17	2110040062	Nguyễn Khắc	**Viên**	04/02/2003					C23CK2	
18	2110040049	Huỳnh Anh	**Vũ**	06/11/2003					C23CK2	
19	2110040064	Nguyễn Minh	**Vương**	09/08/2003					C23CK2	
20	2110040063	Nguyễn Mẫn	**Xuyên**	25/03/2003					C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Đo lường cảm biến - MH1102034 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110203401 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Châu Lê Sơn Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110030018	Hồ Minh	**Bảo**	18/08/2003					C23DDT	
2	2110030004	Võ Khánh	**Duy**	13/03/2003					C23DDT	
3	2110030024	Huỳnh Khắc	**Đạt**	08/10/2003					C23DDT	
4	2110030016	Lê Hồng	**Hải**	17/10/2003					C23DDT	
5	2110030020	Cao Đình	**Hậu**	14/10/2003					C23DDT	
6	2110030008	Nguyễn Anh	**Khôi**	25/12/2003					C23DDT	
7	2110030013	Nguyễn Trần Gia	**Kiệt**	14/05/2003					C23DDT	
8	2110030007	Nguyễn Minh	**Nhựt**	27/10/2003					C23DDT	
9	2110040060	Hứa Vũ	**Phong**	11/08/2003					C23DDT	
10	2110030003	Nguyễn Trọng	**Phú**	01/07/2003					C23DDT	
11	2110030019	Nguyễn Hồng	**Phúc**	27/12/2003					C23DDT	
12	2110030012	Nguyễn Minh	**Quân**	08/12/2003					C23DDT	
13	2110030015	Lê Ngọc	**Sơn**	07/10/2003					C23DDT	
14	2110030014	Võ Phúc	**Tính**	26/05/2003					C23DDT	
15	2110030002	Trần Chí	**Trung**	20/08/2002					C23DDT	
16	2110030009	Nguyễn Thanh	**Tuấn**	06/09/2003					C23DDT	
17	2110030021	Nguyễn Hoàng Thái	**Tú**	19/10/2003					C23DDT	
18	2110030006	Ngô Hoàng	**Vĩ**	16/05/2000					C23DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110100101 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần	**An**	19/06/2004					C24TH1	
2	2210010017	Nguyễn Trần Gia	**Bảo**	13/2/2004					C24TH1	
3	2210010038	Bùi Minh	**Danh**	09/09/2003					C24TH2	
4	2210010013	Nguyễn Thanh	**Danh**	12/06/2003					C24TH1	
5	2210010020	Lê Biện Nguyền	**Diễm**	17/02/2004					C24TH1	
6	2210010066	Trần Vũ	**Duy**	07/04/2004					C24TH2	
7	2210010045	Đoàn Hải	**Dương**	05/02/2004					C24TH2	
8	2210010001	Nguyễn Tấn	**Đạt**	26/07/2003					C24TH1	
9	2210010067	Trần Văn	**Đạt**	28/08/2004					C24TH2	
10	2210010040	Lâm Thế	**Hiển**	26/09/2004					C24TH2	
11	2210010068	Nguyễn Văn	**Hoàng**	24/10/2004					C24TH2	
12	2210010064	Phạm Lê Thanh	**Hoàng**	13/09/2004					C24TH2	
13	2210010056	Lê Thanh	**Huy**	10/02/2004					C24TH2	
14	2210010048	Mai Thị Yến	**Huỳnh**	02/12/2004					C24TH1	
15	2210010021	Nguyễn Thị Kim	**Hương**	29/10/2004					C24TH1	
16	2210010019	Phùng Thái Nhật	**Hương**	25/03/2004					C24TH1	
17	2210010044	Lâm Phương	**Khánh**	19/01/2004					C24TH2	
18	2210010022	Nguyễn Lê Anh	**Khoa**	14/09/2004					C24TH1	
19	2210010051	Trần Thanh	**Khoa**	29/10/2003					C24TH2	
20	2210010009	Võ Đức	**Khoa**	20/08/2003					C24TH1	
21	2210010026	Võ Trung	**Kiệt**	04/08/2003					C24TH1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110100101 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010058	Phạm Thùy	**Linh**	27/10/2004					C24TH2	
2	2210010015	Tăng Bội	**Linh**	17/02/2004					C24TH1	
3	2210010072	Lê Văn	**Lộc**	08/11/2004					C24TH2	
4	2210010043	Phan Văn	**Lượng**	13/10/2003					C24TH2	
5	2210010016	Châu Thị Ái	**My**	17/08/2004					C24TH1	
6	2210010073	Trần Cao Kim	**Ngân**	10/08/2004					C24TH2	
7	2210010065	Lê Như	**Ngọc**	16/08/2004					C24TH2	
8	2210010060	Văn Phước	**Ngời**	09/01/2003					C24TH2	
9	2210010035	Lâm Chí	**Nguyên**	10/11/2004					C24TH1	
10	2210010046	Nguyễn Minh	**Nhân**	20/03/2004					C24TH2	
11	2210010047	Bùi Tấn	**Phát**	04/12/2004					C24TH2	
12	2210010057	Nguyễn Thị Linh	**Phương**	25/12/2004					C24TH2	
13	2210010061	Nguyễn Quốc	**Quài**	24/08/2003					C24TH2	
14	2210010034	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	06/06/2004					C24TH2	
15	2210010003	Trương Mưu	**Tấn**	06/02/2003					C24TH1	
16	2210010007	Thượng Hồng	**Thắm**	08/07/2003					C24TH1	
17	2210010028	Bùi Huy	**Thuận**	25/02/2003					C24TH1	
18	2210010042	Nguyễn Trần Anh	**Thư**	18/08/2004					C24TH2	
19	2210010024	Lê Hoàng	**Tiến**	02/05/2004					C24TH1	
20	2210010071	Nguyễn Hữu	**Tình**	25/07/2004					C24TH2	
21	2210010085	Phạm Anh	**Toàn**	27/05/2004					C24TH2	
22	2210010032	Lê Minh	**Trung**	28/10/2000					C24TH1	
23	2210010027	Lê Thị Thanh	**Trúc**	22/10/2004					C24TH2	
24	2210010012	Lê Anh	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
25	2210010011	Lê Quốc	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
26	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh	**Tuấn**	08/10/2003					C24TH1	
27	2210010002	Nguyễn Lê Phương	**Vy**	26/08/2001					C24TH1	
28	2210010014	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/10/2004					C24TH1	
29	2210010069	Huỳnh Ang Hải	**Yến**	28/07/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán rời rạc - MH1101001 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110100102 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010082	Phạm Nhựt	**Anh**	28/06/2004					C24TH3	
2	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004					C24TH4	
3	2210010074	Đào Lâm Gia	**Bảo**	22/09/2004					C24TH3	
4	2210010076	Trần Duy	**Bằng**	08/11/2004					C24TH3	
5	2210010099	Đinh Trường	**Duy**	16/12/2004					C24TH3	
6	2210010078	Nguyễn Tiến	**Dũng**	12/09/2004					C24TH3	
7	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	21/06/2004					C24TH3	
8	2210010077	Lý Hoàng	**Hải**	17/11/2004					C24TH3	
9	2010010008	Dương Hoàng	**Huy**	12/11/2002					C22TH1	
10	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004					C24TH4	
11	2210010075	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/06/2004					C24TH3	
12	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
13	2210010141	Đỗ Văn Hoàng	**Khanh**	08/12/2002					C24TH4	
14	2210010142	Phùng Ngọc Đăng	**Khoa**	29/08/2003					C24TH4	
15	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004					C24TH4	
16	2210010108	Trần Huê	**Lộc**	14/12/2002					C24TH3	
17	2210010105	Huỳnh Xuân	**Mạnh**	06/09/2004					C24TH3	
18	2210010097	Võ Trịnh Nhật	**Minh**	29/12/2004					C24TH3	
19	2210010091	Phan Hoài	**Nam**	19/04/2004					C24TH3	
20	2210010102	Phạm Hoài	**Nhân**	03/10/2004					C24TH3	
21	2210010103	Trần Thanh	**Nhựt**	12/03/2004					C24TH3	
22	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003					C24TH4	
23	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
24	2210010096	Nguyễn Chí	**Phi**	09/01/2004					C24TH3	
25	2210010095	Hồ Nguyễn	**Phong**	30/12/2004					C24TH3	
26	2210010084	Nguyễn Văn	**Phú**	29/12/2003					C24TH3	
27	2210010089	Hoàng Sỹ	**Phương**	27/08/2003					C24TH3	
28	2210010080	Nhan Trường	**Sáng**	30/03/2004					C24TH3	
29	2210010107	Lê Anh	**Tài**	02/04/2004					C24TH3	
30	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004					C24TH4	
31	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004					C24TH4	
32	2210010088	Lê Thị Ngọc	**Thùy**	13/12/2004					C24TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004					C24TH4	
34	2210010079	Nguyễn Mạnh	**Trường**	22/08/2004					C24TH3	
35	2210010110	Lê Quang	**Vinh**	05/12/2004					C24TH3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành - MH1102125

Mã lớp học phần: MH110212501 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Nhơn Hải

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040056	Nguyễn Tấn	**An**	04/06/2003					C23CK2	
2	2110040074	Nguyễn Quốc	**Anh**	10/07/2002					C23CK1	
3	2110040029	Võ Quốc	**Anh**	18/02/2002					C23CK1	
4	2110040015	Nguyễn Quốc	**Bảo**	13/08/2003					C23CK1	
5	2110040030	Trần Vương Gia	**Bảo**	18/05/2003					C23CK1	
6	2110040034	Trương Hữu	**Bền**	05/12/2003					C23CK1	
7	2110040070	Nguyễn Thanh	**Bình**	08/03/2002					C23CK2	
8	2110040031	Nguyễn Hoài	**Cảnh**	19/11/2003					C23CK1	
9	2110040021	La Đình	**Chương**	19/10/2003					C23CK1	
10	2110040014	Châu Tiên	**Cường**	06/10/2002					C23CK1	
11	2110040051	Nguyễn Chí	**Cường**	13/06/2002					C23CK2	
12	2110040018	Nguyễn Văn	**Dự**	15/10/2003					C23CK1	
13	2110040012	Bùi Thành	**Đạt**	18/10/2003					C23CK1	
14	2110040068	Nguyễn Tiến	**Đạt**	14/02/2003					C23CK2	
15	2110040009	Trần Phú	**Hào**	29/07/2003					C23CK1	
16	2110040027	Huỳnh Thanh	**Hải**	29/11/2000					C23CK1	
17	2110040044	Nguyễn Hoàng	**Hải**	02/03/2003					C23CK2	
18	2110040024	Hoàng Văn	**Huấn**	30/09/2003					C23CK1	
19	2110040023	Bùi Quốc	**Huy**	14/01/2003					C23CK1	
20	2110040043	Vương Bảnh	**Huy**	25/11/2003					C23CK2	
21	2110040004	Lê Văn Vũ	**Hưng**	27/11/2003					C23CK1	
22	2110040058	Nguyễn Phúc Gia	**Hưng**	17/06/2002					C23CK2	
23	2110040054	Nguyễn Tấn	**Hưng**	20/10/2003					C23CK2	
24	2110040047	Trần Chí	**Khiêm**	10/03/2003					C23CK2	
25	2110040041	Lư Nguyễn Đăng	**Khoa**	10/05/2002					C23CK2	
26	2110040057	Trần Đình	**Khoa**	10/04/2003					C23CK2	
27	2110040045	Trần Hữu	**Liêm**	15/12/2003					C23CK2	
28	2110040042	Bùi Danh	**Mạnh**	21/10/2003					C23CK2	
29	2110040025	Nguyễn Hoàng	**Mi**	09/06/2002					C23CK1	
30	2110040040	Mai Bá Vạn	**Minh**	26/07/2003					C23CK2	
31	2110040071	Nguyễn Thanh	**Minh**	29/04/2003					C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành - MH1102125 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110212501 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Nhơn Hải Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110040072	Lê Nguyễn Hoàng	**Nam**	10/10/2003					C23CK1	
2	2110040011	Nguyễn Hoàng	**Nam**	20/02/2003					C23CK1	
3	2110040036	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	07/02/2003					C23CK2	
4	2110040067	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	12/05/2003					C23CK2	
5	2110040003	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	11/11/2003					C23CK1	
6	2110040059	Nguyễn Hoàng	**Phúc**	06/06/2003					C23CK2	
7	2110040006	Đoàn Vĩnh	**Quang**	27/05/2003					C23CK1	
8	2110010029	Nguyễn Hoàng	**Sơn**	13/09/2003					C23CK2	
9	2110040048	Phan Thanh	**Tân**	19/07/2003					C23CK2	
10	2110040022	Trần Trọng	**Tấn**	16/11/2003					C23CK1	
11	2010040041	Nguyễn Ngọc	**Thạch**	21/07/2002					C22CK2	
12	2110040005	Tô Minh	**Thạnh**	25/10/2003					C23CK1	
13	2110040010	Nguyễn Đức	**Thịnh**	29/01/2003					C23CK1	
14	2110040046	Nguyễn Lộc	**Thịnh**	21/02/2003					C23CK2	
15	2110010109	Nguyễn Ái Quang	**Thoại**	06/04/2003					C23CK1	
16	2110040055	Nguyễn Trường	**Thọ**	23/12/2003					C23CK2	
17	2110040037	Trần Minh	**Thuận**	22/06/2003					C23CK2	
18	2110040001	La Đặng Nguyên	**Thuật**	14/10/2001					C23CK1	
19	2110040008	Đặng Thiên	**Tình**	16/08/2003					C23CK1	
20	2110040017	Lê Minh	**Trí**	01/11/2003					C23CK1	
21	2110040053	Lê Hoàng	**Trung**	06/05/2003					C23CK2	
22	2110040020	Nguyễn Đăng	**Trường**	26/04/2002					C23CK1	
23	2110040032	Võ Bá	**Tùng**	02/06/2003					C23CK1	
24	2110040013	Đào Mai	**Tường**	22/01/2003					C23CK1	
25	2110040062	Nguyễn Khắc	**Viên**	04/02/2003					C23CK2	
26	2110040049	Huỳnh Anh	**Vũ**	06/11/2003					C23CK2	
27	2110040064	Nguyễn Minh	**Vương**	09/08/2003					C23CK2	
28	2110040063	Nguyễn Mẫn	**Xuyên**	25/03/2003					C23CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Reading 1 - MH1105030 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110503001 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân	**Anh**	02/10/2003					C24TA	
2	2210130008	Nguyễn Thị Phương	**Anh**	20/10/2004					C24TA	
3	2210130013	Lương Y	**Bình**	14/03/2004					C24TA	
4	2210130026	Đặng Nguyễn Kim	**Hằng**	27/06/2004					C24TA	
5	2210130020	Trần Thị Ngọc	**Hân**	07/10/2003					C24TA	
6	2210130029	Võ Thị Thanh	**Hậu**	17/05/2004					C24TA	
7	2210130035	Hồ Minh	**Hên**	11/04/2004					C24TA	
8	2210130030	Đỗ Thị Diệu	**Linh**	25/10/2004					C24TA	
9	2210130023	Cao Thành	**Long**	28/10/2004					C24TA	
10	2210130031	Trần Thị Kim	**Ngân**	21/10/2004					C24TA	
11	2210130028	Lưu Hồng	**Ngọc**	07/06/2003					C24TA	
12	2210130001	Nguyễn Ngọc Yến	**Nhi**	19/11/2003					C24TA	
13	2210130011	Phạm Thị Xuân	**Nhi**	30/05/2004					C24TA	
14	2210130016	Nguyễn Anh	**Phát**	26/02/2004					C24TA	
15	2210130034	Nguyễn Thanh	**Phong**	09/05/2004					C24TA	
16	2210130002	Phan Ngọc	**Quyên**	17/11/2003					C24TA	
17	2210130021	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	16/11/2004					C24TA	
18	2210130025	Dương Minh	**Thái**	17/05/2004					C24TA	
19	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương	**Thư**	17/04/2004					C24TA	
20	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh	**Thư**	01/04/2004					C24TA	
21	2210130007	Nguyễn Huyền	**Trân**	09/05/2004					C24TA	
22	2210130012	Phạm Huỳnh Diễm	**Trinh**	12/09/2004					C24TA	
23	2210130022	Trần Thị Tường	**Vi**	25/04/2004					C24TA	
24	2210130004	Võ Ngọc Phương	**Vy**	19/04/2003					C24TA	
25	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi	**Yến**	27/11/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần	**An**	19/06/2004					C24TH1	
2	2210010017	Nguyễn Trần Gia	**Bảo**	13/2/2004					C24TH1	
3	2210010038	Bùi Minh	**Danh**	09/09/2003					C24TH2	
4	2210010013	Nguyễn Thanh	**Danh**	12/06/2003					C24TH1	
5	2210010020	Lê Biện Nguyền	**Diễm**	17/02/2004					C24TH1	
6	2210010066	Trần Vũ	**Duy**	07/04/2004					C24TH2	
7	2210010045	Đoàn Hải	**Dương**	05/02/2004					C24TH2	
8	2210010001	Nguyễn Tấn	**Đạt**	26/07/2003					C24TH1	
9	2210010067	Trần Văn	**Đạt**	28/08/2004					C24TH2	
10	2210010040	Lâm Thế	**Hiển**	26/09/2004					C24TH2	
11	2110010095	Nguyễn Minh	**Hiếu**	12/04/2003					C23TH3	
12	2210010064	Phạm Lê Thanh	**Hoàng**	13/09/2004					C24TH2	
13	2210010048	Mai Thị Yến	**Huỳnh**	02/12/2004					C24TH1	
14	2210010021	Nguyễn Thị Kim	**Hương**	29/10/2004					C24TH1	
15	2210010019	Phùng Thái Nhật	**Hương**	25/03/2004					C24TH1	
16	2210010044	Lâm Phương	**Khánh**	19/01/2004					C24TH2	
17	2210010022	Nguyễn Lê Anh	**Khoa**	14/09/2004					C24TH1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110103701 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010068	Nguyễn Văn	**Hoàng**	24/10/2004					C24TH2	
2	2210010051	Trần Thanh	**Khoa**	29/10/2003					C24TH2	
3	2210010026	Võ Trung	**Kiệt**	04/08/2003					C24TH1	
4	2210010058	Phạm Thùy	**Linh**	27/10/2004					C24TH2	
5	2210010015	Tăng Bội	**Linh**	17/02/2004					C24TH1	
6	2210010072	Lê Văn	**Lộc**	08/11/2004					C24TH2	
7	2210010043	Phan Văn	**Lượng**	13/10/2003					C24TH2	
8	2210010016	Châu Thị Ái	**My**	17/08/2004					C24TH1	
9	2210010073	Trần Cao Kim	**Ngân**	10/08/2004					C24TH2	
10	2210010065	Lê Như	**Ngọc**	16/08/2004					C24TH2	
11	2210010060	Văn Phước	**Ngời**	09/01/2003					C24TH2	
12	2210010035	Lâm Chí	**Nguyên**	10/11/2004					C24TH1	
13	2210010046	Nguyễn Minh	**Nhân**	20/03/2004					C24TH2	
14	2210010047	Bùi Tấn	**Phát**	04/12/2004					C24TH2	
15	2210010057	Nguyễn Thị Linh	**Phương**	25/12/2004					C24TH2	
16	2110010096	Nguyễn Minh	**Quang**	19/06/2002					C23TH3	
17	2210010034	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	06/06/2004					C24TH2	
18	2210010003	Trương Mưu	**Tấn**	06/02/2003					C24TH1	
19	2210010007	Thượng Hồng	**Thắm**	08/07/2003					C24TH1	
20	2210010028	Bùi Huy	**Thuận**	25/02/2003					C24TH1	
21	2210010042	Nguyễn Trần Anh	**Thư**	18/08/2004					C24TH2	
22	2210010024	Lê Hoàng	**Tiến**	02/05/2004					C24TH1	
23	2210010071	Nguyễn Hữu	**Tình**	25/07/2004					C24TH2	
24	2210010085	Phạm Anh	**Toàn**	27/05/2004					C24TH2	
25	2210010032	Lê Minh	**Trung**	28/10/2000					C24TH1	
26	2210010027	Lê Thị Thanh	**Trúc**	22/10/2004					C24TH2	
27	2210010012	Lê Anh	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
28	2210010011	Lê Quốc	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
29	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh	**Tuấn**	08/10/2003					C24TH1	
30	2210010002	Nguyễn Lê Phương	**Vy**	26/08/2001					C24TH1	
31	2210010014	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/10/2004					C24TH1	
32	2210010069	Huỳnh Ang Hải	**Yến**	28/07/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110103702 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 30/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010082	Phạm Nhựt	**Anh**	28/06/2004					C24TH3	
2	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004					C24TH4	
3	2210010076	Trần Duy	**Bằng**	08/11/2004					C24TH3	
4	2210010099	Đinh Trường	**Duy**	16/12/2004					C24TH3	
5	2210010078	Nguyễn Tiến	**Dũng**	12/09/2004					C24TH3	
6	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	21/06/2004					C24TH3	
7	2210010077	Lý Hoàng	**Hải**	17/11/2004					C24TH3	
8	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004					C24TH4	
9	2210010075	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/06/2004					C24TH3	
10	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
11	2210010142	Phùng Ngọc Đăng	**Khoa**	29/08/2003					C24TH4	
12	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004					C24TH4	
13	2210010108	Trần Huê	**Lộc**	14/12/2002					C24TH3	
14	2210010105	Huỳnh Xuân	**Mạnh**	06/09/2004					C24TH3	
15	2210010097	Võ Trịnh Nhật	**Minh**	29/12/2004					C24TH3	
16	2210010102	Phạm Hoài	**Nhân**	03/10/2004					C24TH3	
17	2210010103	Trần Thanh	**Nhựt**	12/03/2004					C24TH3	
18	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
19	2210010096	Nguyễn Chí	**Phi**	09/01/2004					C24TH3	
20	2210010095	Hồ Nguyễn	**Phong**	30/12/2004					C24TH3	
21	2210010089	Hoàng Sỹ	**Phương**	27/08/2003					C24TH3	
22	2210010107	Lê Anh	**Tài**	02/04/2004					C24TH3	
23	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004					C24TH4	
24	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004					C24TH4	
25	2210010088	Lê Thị Ngọc	**Thùy**	13/12/2004					C24TH3	
26	2210010079	Nguyễn Mạnh	**Trường**	22/08/2004					C24TH3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Pháp luật - MH1109022 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902201 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Ngọc Hoa Đăng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003					C24CK1	
2	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004					C24CK2	
3	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004					C24CK2	
4	2210040004	Đặng Trần Gia	**Bảo**	24/07/2003					C24CK1	
5	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004					C24CK2	
6	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004					C24CK2	
7	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004					C24CK2	
8	2210040055	Lê Trần Khánh	**Duy**	15/05/2004					C24CK2	
9	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004					C24CK1	
10	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004					C24CK2	
11	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004					C24CK2	
12	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004					C24CK2	
13	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004					C24CK1	
14	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004					C24CK2	
15	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004					C24CK1	
16	2010130002	Trần Hữu	**Đức**	04/01/2000					C22TA1	
17	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004					C24CK1	
18	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004					C24CK1	
19	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004					C24CK2	
20	2210040008	Phạm Quốc	**Huy**	15/09/2003					C24CK1	
21	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004					C24CK1	
22	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003					C24CK1	
23	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004					C24CK2	
24	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004					C24CK1	
25	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004					C24CK1	
26	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004					C24CK2	
27	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004					C24CK2	
28	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004					C24CK2	
29	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	
30	2210040005	Nguyễn Gia	**Kỳ**	29/01/2003					C24CK1	
31	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004					C24CK1	
32	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004					C24CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/20/2004					C24CK2	
34	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003					C24CK1	
35	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	**Luân**	04/09/2004					C24CK2	
36	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004					C24CK2	
37	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004					C24CK2	
38	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004					C24CK1	
39	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004					C24CK2	
40	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003					C24CK2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: MH110902201 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Ngọc Hoa Đăng

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210130001	Nguyễn Ngọc Yến	**Nhi**	19/11/2003					C24TA	
2	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004					C24CK2	
3	2210040070	Đinh Hoài	**Phong**	05/09/2004					C24CK2	
4	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004					C24CK1	
5	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003					C24CK1	
6	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004					C24CK2	
7	2210130002	Phan Ngọc	**Quyên**	17/11/2003					C24TA	
8	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004					C24CK2	
9	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004					C24CK1	
10	2010130007	Trần Minh	**Tâm**	19/02/2001					C22TA1	
11	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004					C24CK1	
12	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004					C24CK1	
13	2210130025	Dương Minh	**Thái**	17/05/2004					C24TA	
14	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004					C24CK1	
15	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004					C24CK1	
16	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004					C24CK2	
17	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004					C24CK2	
18	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004					C24CK2	
19	2210130022	Trần Thị Tường	**Vi**	25/04/2004					C24TA	
20	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004					C24CK2	
21	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003					C24CK2	
22	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004					C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: MH110902202 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Ngọc Hoa Đăng

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	**An**	21/04/2004					C24DDT	
2	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân	**Anh**	02/10/2003					C24TA	
3	2210130008	Nguyễn Thị Phương	**Anh**	20/10/2004					C24TA	
4	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004					C24CK3	
5	2210030013	Lý Gia	**Bảo**	04/09/2004					C24DDT	
6	2210030006	Trần Gia	**Bảo**	02/11/2004					C24DDT	
7	2210130013	Lương Y	**Bình**	14/03/2004					C24TA	
8	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004					C24CK3	
9	2210030002	Lê Minh	**Cẩn**	06/12/2004					C24DDT	
10	2210010037	Trần Thiện	**Công**	30/05/2004					C24DDT	
11	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004					C24CK3	
12	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	**Duy**	01/03/2004					C24DDT	
13	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003					C24CK3	
14	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004					C24CK3	
15	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004					C24CK3	
16	2210030016	Bành Bửu	**Đạt**	09/05/2004					C24DDT	
17	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004					C24CK3	
18	2210030027	Ngô Lê Gia	**Đạt**	27/04/2004					C24DDT	
19	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003					C24CK3	
20	2210030028	Nguyễn Lê Y	**Đức**	28/08/2004					C24DDT	
21	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003					C24CK3	
22	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
23	2210130026	Đặng Nguyễn Kim	**Hằng**	27/06/2004					C24TA	
24	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004					C24CK3	
25	2210130020	Trần Thị Ngọc	**Hân**	07/10/2003					C24TA	
26	2210130029	Võ Thị Thanh	**Hậu**	17/05/2004					C24TA	
27	2210130035	Hồ Minh	**Hên**	11/04/2004					C24TA	
28	2210030022	Huỳnh Quang	**Huy**	26/04/2003					C24DDT	
29	2210030021	Lâm Gia	**Huy**	19/01/2004					C24DDT	
30	2210030012	Lý Ngọc	**Huy**	07/08/2004					C24DDT	
31	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004					C24CK3	
32	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004					C24DDT	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004					C24DDT	
34	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004					C24CK3	
35	2210030015	Phạm Quốc	**Khánh**	02/09/2003					C24DDT	
36	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004					C24CK3	
37	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004					C24CK3	
38	2210130030	Đỗ Thị Diệu	**Linh**	25/10/2004					C24TA	
39	2210130023	Cao Thành	**Long**	28/10/2004					C24TA	
40	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004					C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Pháp luật - MH1109022 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902202 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Ngọc Hoa Đăng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010087	Hà Ngọc	**Lương**	26/02/2004					C24DDT	
2	2210130031	Trần Thị Kim	**Ngân**	21/10/2004					C24TA	
3	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004					C24DDT	
4	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004					C24DDT	
5	2210130028	Lưu Hồng	**Ngọc**	07/06/2003					C24TA	
6	2210130011	Phạm Thị Xuân	**Nhi**	30/05/2004					C24TA	
7	2210130016	Nguyễn Anh	**Phát**	26/02/2004					C24TA	
8	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004					C24CK3	
9	2210130034	Nguyễn Thanh	**Phong**	09/05/2004					C24TA	
10	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004					C24DDT	
11	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004					C24DDT	
12	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004					C24CK3	
13	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004					C24CK3	
14	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002					C24DDT	
15	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004					C24DDT	
16	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003					C24DDT	
17	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003					C24CK3	
18	2210130021	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	16/11/2004					C24TA	
19	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004					C24DDT	
20	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003					C24DDT	
21	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004					C24DDT	
22	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
23	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương	**Thư**	17/04/2004					C24TA	
24	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh	**Thư**	01/04/2004					C24TA	
25	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004					C24DDT	
26	2210130007	Nguyễn Huyền	**Trân**	09/05/2004					C24TA	
27	2210130012	Phạm Huỳnh Diễm	**Trinh**	12/09/2004					C24TA	
28	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004					C24CK3	
29	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004					C24CK3	
30	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004					C24DDT	
31	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004					C24DDT	
32	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004					C24CK3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004					C24CK3	
34	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002					C24DDT	
35	2210130004	Võ Ngọc Phương	**Vy**	19/04/2003					C24TA	
36	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi	**Yến**	27/11/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học quản lý (Access) - MH1101036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110103601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110010108	Bạch Chí	**Bảo**	27/03/2003					C23TH4	
2	2110010075	Nguyễn Gia	**Bảo**	20/04/2003					C23TH3	
3	2110010033	Nguyễn Quốc	**Chiến**	07/10/2003					C23TH3	
4	2110010058	Nguyễn Hà Ngọc	**Diễm**	25/10/2003					C23TH2	
5	2110010094	Đào Sỹ	**Duy**	27/04/2003					C23TH3	
6	2110010137	Trương Thanh	**Duy**	13/06/2003					C23TH4	
7	2110010115	Võ Đức	**Duy**	03/02/2003					C23TH4	
8	2110010049	Võ Lê	**Duy**	22/01/2003					C23TH2	
9	2110010008	Phan Thị Thùy	**Dương**	26/06/2003					C23TH1	
10	2110010126	Nguyễn Văn	**Đạt**	27/07/2002					C23TH4	
11	2110010121	Phạm Tiến	**Đạt**	07/08/2003					C23TH4	
12	2110010123	Phí Văn	**Đạt**	18/05/2003					C23TH4	
13	2110010023	Phạm Minh	**Giàu**	21/11/2003					C23TH3	
14	2110010090	Dương Lê Gia	**Hân**	06/04/2003					C23TH3	
15	2110010095	Nguyễn Minh	**Hiếu**	12/04/2003					C23TH3	
16	2110010116	Lê Võ	**Hoàng**	01/11/2003					C23TH4	
17	2110010111	Huỳnh Văn	**Hòa**	07/06/2003					C23TH4	
18	2110010027	Nguyễn Quốc	**Huy**	08/08/2003					C23TH1	
19	2110010060	Trần Quốc	**Huy**	18/04/2003					C23TH2	
20	2110010001	Đoàn Chí	**Hưng**	21/02/2002					C23TH1	
21	2110010082	Nguyễn Duy	**Hữu**	03/12/2003					C23TH1	
22	2110010066	Đinh Nguyễn Hoàn	**Kha**	04/09/2003					C23TH2	
23	2110010017	Nguyễn Hùng	**Khang**	09/11/2003					C23TH1	
24	2110010040	Nguyễn Minh	**Khang**	04/08/2003					C23TH2	
25	2110010057	Trác Dương	**Khang**	02/10/2003					C23TH2	
26	2110010045	Trương Phúc	**Khang**	08/07/2003					C23TH2	
27	2110010091	Đặng Quang	**Khải**	21/07/2003					C23TH3	
28	2110010053	Đặng Hoàng	**Khiêm**	17/10/2003					C23TH2	
29	2110010131	Đỗ Trung	**Kiên**	08/08/2003					C23TH4	
30	2110010024	Nguyễn Hải Sơn	**Lâm**	24/05/2002					C23TH3	
31	2110010088	Trần Nguyễn Thanh	**Lâm**	01/08/2003					C23TH3	
32	2110010077	Ngô Hoài	**Linh**	06/05/2003					C23TH1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110010133	Trần Thị	**Linh**	24/01/2003					C23TH4	
34	2110010118	Lê Bích	**Ngọc**	24/05/2002					C23TH4	
35	2110010036	Đỗ Thành	**Nhân**	19/07/2003					C23TH2	
36	2110010016	Phạm Thành	**Nhân**	11/08/2003					C23TH1	
37	2110010028	Trần Hữu	**Nhân**	11/09/2003					C23TH3	
38	2110010022	Trần Văn	**Phát**	30/01/2003					C23TH1	
39	2110010025	Nguyễn Nhật	**Phi**	08/10/2003					C23TH1	
40	2110010080	Lê Hữu	**Phúc**	04/02/2003					C23TH1	
41	2010010024	Cao Trịnh	**Quang**	10/08/2002					C23TH2	
42	2110010096	Nguyễn Minh	**Quang**	19/06/2002					C23TH3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học quản lý (Access) - MH1101036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110103601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110010015	Lê Anh	**Quân**	01/03/2003					C23TH1	
2	2110010021	Lê Kiến	**Quốc**	26/10/2003					C23TH1	
3	2110010004	Trà Anh	**Quốc**	15/08/2003					C23TH1	
4	2110010020	Phạm Duy	**Sang**	23/02/2003					C23TH1	
5	2110010032	Phan Thành	**Tài**	24/07/2003					C23TH3	
6	2110010102	Đoàn Trần Khánh	**Tâm**	18/11/2003					C23TH3	
7	2110010132	Phạm Dương Linh	**Tâm**	07/11/2003					C23TH3	
8	2110010105	Nguyễn Chí	**Thanh**	03/12/2003					C23TH3	
9	2110010081	Phạm Văn Hoài	**Thanh**	19/01/2003					C23TH1	
10	2110010030	Bùi Huỳnh Quốc	**Thái**	01/09/2003					C23TH1	
11	2110010070	Lưu Hoàng	**Thái**	03/03/2003					C23TH2	
12	2110010122	Dương Mạnh	**Thắng**	01/11/2003					C23TH4	
13	2110010031	Nguyễn Trần Xuân	**Thịnh**	12/06/2003					C23TH3	
14	2110010012	Trần Thị Kim	**Thoa**	04/03/2003					C23TH1	
15	2110010125	Vũ Hữu	**Thọ**	15/08/2003					C23TH4	
16	2110010129	Nguyễn Bá	**Thuận**	15/07/2002					C23TH4	
17	2110010079	Lê Ngọc Anh	**Thư**	30/08/2003					C23TH1	
18	2110010117	Ngô Thanh Anh	**Thư**	10/12/2002					C23TH4	
19	2110010034	Nguyễn Anh	**Thượng**	12/12/2003					C23TH1	
20	2110010114	Nguyễn Dương	**Thức**	06/08/2002					C23TH4	
21	2110010059	Nguyễn Thị Thúy	**Tiên**	08/03/2003					C23TH2	
22	2110010018	Phạm Nguyễn Cẩm	**Tiên**	20/12/2003					C23TH1	
23	2110010099	Trần Võ Anh	**Tính**	29/03/2002					C23TH3	
24	2110010005	Trương Thị Ngọc	**Trâm**	08/06/2003					C23TH1	
25	2110010083	Trần Minh	**Trí**	22/03/2003					C23TH3	
26	2110010130	Nguyễn Anh	**Tuấn**	13/09/2002					C23TH4	
27	2110010026	Phạm Minh	**Tuấn**	30/12/2003					C23TH1	
28	2110010003	Trần Thanh	**Tú**	10/01/2002					C23TH1	
29	2110010120	Nguyễn Tuấn	**Vinh**	17/04/2003					C23TH4	
30	2110010038	Trương Hoàng	**Vinh**	06/03/2003					C23TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003					C24CK1	
2	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004					C24CK2	
3	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004					C24CK2	
4	2210040004	Đặng Trần Gia	**Bảo**	24/07/2003					C24CK1	
5	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004					C24CK3	
6	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004					C24CK2	
7	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004					C24CK3	
8	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004					C24CK2	
9	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004					C24CK2	
10	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004					C24CK3	
11	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003					C24CK3	
12	2210040055	Lê Trần Khánh	**Duy**	15/05/2004					C24CK2	
13	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004					C24CK1	
14	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004					C24CK2	
15	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004					C24CK2	
16	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004					C24CK2	
17	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004					C24CK3	
18	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004					C24CK3	
19	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004					C24CK3	
20	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004					C24CK1	
21	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003					C24CK3	
22	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004					C24CK2	
23	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004					C24CK1	
24	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003					C24CK3	
25	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004					C24CK1	
26	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
27	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004					C24CK3	
28	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004					C24CK1	
29	2210040023	Nguyễn Thanh	**Hiếu**	13/12/2004					C24CK1	
30	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004					C24CK2	
31	2210040008	Phạm Quốc	**Huy**	15/09/2003					C24CK1	
32	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004					C24CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004					C24CK3	
34	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003					C24CK1	
35	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004					C24CK2	
36	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004					C24CK1	
37	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004					C24CK1	
38	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004					C24CK3	
39	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004					C24CK2	
40	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004					C24CK2	
41	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004					C24CK2	
42	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	
43	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004					C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004					C24CK3	
2	2210040005	Nguyễn Gia	**Kỳ**	29/01/2003					C24CK1	
3	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004					C24CK1	
4	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004					C24CK1	
5	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/20/2004					C24CK2	
6	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004					C24CK3	
7	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003					C24CK1	
8	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	**Luân**	04/09/2004					C24CK2	
9	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004					C24CK2	
10	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004					C24CK2	
11	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004					C24CK1	
12	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004					C24CK2	
13	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003					C24CK2	
14	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004					C24CK2	
15	2210040070	Đinh Hoài	**Phong**	05/09/2004					C24CK2	
16	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004					C24CK3	
17	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004					C24CK3	
18	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004					C24CK1	
19	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004					C24CK3	
20	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003					C24CK1	
21	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004					C24CK2	
22	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004					C24CK2	
23	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004					C24CK1	
24	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003					C24CK3	
25	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004					C24CK1	
26	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004					C24CK1	
27	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004					C24CK1	
28	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004					C24CK1	
29	2210040068	Lê Lâm	**Thuận**	03/04/2004					C24CK2	
30	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
31	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004					C24CK2	
32	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004					C24CK3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004					C24CK3	
34	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004					C24CK2	
35	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004					C24CK2	
36	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004					C24CK3	
37	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004					C24CK2	
38	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003					C24CK2	
39	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004					C24CK3	
40	1910030007	Phan Hửu	**Vinh**	17/08/2001					C21CK	
41	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004					C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403901 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
8	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
9	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
10	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
11	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
12	2210100081	Lê Hoàng Tuyết	**Hân**	18/07/2004					C24QT2	
13	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
16	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004					C24QT2	
17	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
18	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
19	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
20	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
21	2210100004	Hồ Quang Anh	**Khoa**	10/05/2001					C24QT1	
22	2210100041	Trương Đăng	**Khoa**	02/07/2004					C24QT2	
23	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
24	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	15/12/2004					C24QT2	
25	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
26	2010100031	Nguyễn Trúc	**Mai**	12/12/2002					C22QT1	
27	2210100044	Tạ Thị Ngọc	**Mai**	15/02/2004					C24QT2	
28	2210100050	Phan Tiểu	**Mẫn**	29/05/2004					C24QT2	
29	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
30	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
31	2210100047	Hà Thị Mỹ	**Ngọc**	17/04/2004					C24QT2	
32	2210100016	Trương Thị Mỹ	**Ngọc**	11/08/2004					C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	
34	2210100040	Đỗ Thị	**Nhi**	29/07/2004					C24QT2	
35	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	
36	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	25/03/2004					C24QT2	
37	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
38	2210100063	Nguyễn Thị	**Oanh**	15/01/2004					C24QT2	
39	2210100058	Lê Kim	**Phượng**	19/06/2003					C24QT2	
40	2210100057	Lăng Tiến	**Quốc**	26/01/2004					C24QT2	
41	2210100045	Phạm Thị Phương	**Quyên**	25/08/2004					C24QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403901 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100046	Đỗ Ngọc	**Sơn**	09/10/2004					C24QT2	
2	2210100036	Trần Thị Phương	**Thảo**	06/07/2004					C24QT2	
3	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	
4	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
5	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
6	2210100033	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	
8	2210100052	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	03/11/2004					C24QT2	
9	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
10	2210100055	Đàm Thị Thanh	**Thúy**	09/11/2002					C24QT2	
11	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
12	2210100113	Đoàn Lê Minh	**Thư**	08/08/2004					C24QT1	
13	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
14	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
15	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
16	2210100070	Bùi Ngọc	**Tuyết**	08/12/2004					C24QT2	
17	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
18	2210100025	Nguyễn Thị Yến	**Vi**	06/03/2004					C24QT2	
19	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
20	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403902 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004					C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004					C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003					C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004					C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004					C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004					C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004					C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004					C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004					C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004					C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004					C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004					C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004					C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004					C24QT4	
15	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004					C24QT3	
16	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004					C24QT4	
17	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004					C24QT4	
18	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004					C24QT4	
19	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000					C24QT3	
20	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004					C24QT3	
21	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004					C24QT3	
22	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004					C24QT4	
23	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004					C24QT3	
24	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004					C24QT3	
25	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004					C24QT4	
26	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004					C24QT3	
27	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004					C24QT4	
28	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004					C24QT4	
29	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004					C24QT4	
30	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004					C24QT4	
31	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004					C24QT3	
32	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004					C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004					C24QT3	
34	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004					C24QT4	
35	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004					C24QT4	
36	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004					C24QT4	
37	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004					C24QT3	
38	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004					C24QT4	
39	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004					C24QT4	
40	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004					C24QT3	
41	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004					C24QT3	
42	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004					C24QT3	
43	2010100067	Nguyễn Việt	**Thanh**	05/05/2001					C22QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403902 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004					C24QT4	
2	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004					C24QT4	
3	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001					C24QT3	
4	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004					C24QT3	
5	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004					C24QT3	
6	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004					C24QT3	
7	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004					C24QT3	
8	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004					C24QT3	
9	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004					C24QT3	
10	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003					C24QT4	
11	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004					C24QT4	
12	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004					C24QT3	
13	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Translating 1 - MH1105034 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110503401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.11** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan	**Anh**	30/09/2002					C22TA1	
2	2110130009	Huỳnh Thị Ngọc	**Bích**	30/03/2003					C23TA	
3	2110130023	Nguyễn Hà Ngọc	**Châu**	21/11/2003					C23TA	
4	2110130031	Phạm Đào Ngọc	**Hân**	18/09/2003					C23TA	
5	2110130004	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	06/01/2001					C23TA	
6	2110130018	Đặng Trần Anh	**Khôi**	22/07/2003					C23TA	
7	2110130014	Giang Dương	**Ly**	02/11/2003					C23TA	
8	2110130036	Huỳnh Văn	**Lý**	20/02/2002					C23TA	
9	2110130003	Trần Lý Khánh	**Ngân**	17/10/2002					C23TA	
10	2110130037	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	16/09/2003					C23TA	
11	2110130029	Trần Thị Yến	**Nhi**	08/05/2003					C23TA	
12	2110130001	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	29/08/2000					C23TA	
13	2110130030	Phạm Đào Ngọc	**Như**	18/09/2003					C23TA	
14	2110130015	Nguyễn Tấn	**Phước**	23/01/2003					C23TA	
15	2110130019	Phan Thị Kim	**Phượng**	28/07/2003					C23TA	
16	2110130012	Nguyễn Đại	**Tài**	12/04/2003					C23TA	
17	2110130024	Mai Hồ Như	**Thảo**	29/06/2003					C23TA	
18	2110100177	Đoàn Võ Minh	**Thư**	13/01/2003					C23TA	
19	2110130034	Đỗ Nguyễn Minh	**Thy**	07/12/2003					C23TA	
20	2110130011	Phạm Thị Cẩm	**Tiên**	25/02/2003					C23TA	
21	2110130017	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	21/02/2003					C23TA	
22	2110130028	Nguyễn Hữu	**Trí**	01/09/2003					C23TA	
23	1910130010	Ngô Quốc	**Trọng**	02/05/2001					C21TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403903 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Kim Cương Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái	**An**	08/08/2004					C24QT6	
2	2210100222	Trần Trọng	**An**	12/04/2002					C24QT7	
3	2210100171	Đặng Quỳnh	**Anh**	23/04/2004					C24QT5	
4	2210100212	Lê Thị Hồng	**Anh**	27/04/2003					C24QT6	
5	2210100207	Lý Thảo	**Anh**	30/06/2004					C24QT6	
6	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn	**Anh**	23/03/2004					C24QT6	
7	2210100167	Võ Kim	**Anh**	22/11/2004					C24QT5	
8	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	**Ái**	18/09/2004					C24QT6	
9	2210100153	Âu Hoài	**Ân**	29/10/2004					C24QT5	
10	2210100178	Bùi Nguyễn Việt	**Cường**	14/10/2004					C24QT5	
11	2210100150	Lê Thị Kim	**Dung**	15/08/2004					C24QT5	
12	2210100151	Lê Đặng Mỹ	**Duyên**	10/07/2004					C24QT5	
13	2210100154	Phạm Thị Tuyết	**Dương**	09/11/2004					C24QT5	
14	2210100220	Hồ Phát	**Đạt**	15/07/2004					C24QT7	
15	2210100157	Nguyễn	**Đức**	12/05/2004					C24QT5	
16	2210100164	Lê Thị Thu	**Hà**	05/06/2003					C24QT5	
17	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	19/08/2004					C24QT7	
18	2210100158	Đặng Minh	**Hiếu**	10/03/2004					C24QT5	
19	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
20	2210100162	Nguyễn Thị Diễm	**Huỳnh**	16/07/2004					C24QT5	
21	2210100213	Võ Trọng	**Hùng**	20/10/2003					C24QT6	
22	2210100204	Nguyễn Thị Trúc	**Hương**	04/09/2004					C24QT6	
23	2210100205	Đoái Dĩ	**Khang**	18/01/2004					C24QT6	
24	2210100214	Nguyễn Đình	**Khôi**	25/09/2004					C24QT6	
25	2210100146	Ngô Trương Thanh	**Mai**	25/11/2004					C24QT5	
26	2210100194	Nguyễn Hà	**My**	04/09/2004					C24QT6	
27	2210100224	Trương Thanh	**Ngân**	12/01/2004					C24QT7	
28	2210100211	Văn Thị Kim	**Ngân**	27/09/2004					C24QT6	
29	2210100188	Lê Thị Hoài	**Ngọc**	04/08/2002					C24QT6	
30	2210100195	Phạm Như	**Ngọc**	21/09/2004					C24QT6	
31	2210100226	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	12/01/2004					C24QT7	
32	2210100166	Nguyễn Thị Uyên	**Nhi**	02/10/2004					C24QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100159	Phạm Thị Yến	**Nhi**	15/06/2004					C24QT5	
34	2210100190	Trần Thị Phương	**Nhi**	14/06/2004					C24QT6	
35	2210100209	Võ Thị Quỳnh	**Như**	29/02/2004					C24QT6	
36	2210100210	Nguyễn Thái	**Phong**	22/04/2002					C24QT6	
37	2210010115	Nguyễn Thanh	**Phú**	30/07/2004					C24QT7	
38	2210100227	Võ Ngọc Phi	**Phụng**	24/05/2004					C24QT7	
39	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
40	2210100144	Nguyễn Thị Kiều	**Quyên**	03/09/2004					C24QT5	
41	2210100172	Cao Thị Mỹ	**Quyền**	02/12/2004					C24QT5	
42	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	
43	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Tâm**	05/02/2004					C24QT6	
44	2210100176	Trần Quốc	**Thanh**	02/06/2002					C24QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403903 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Kim Cương Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100147	Hồ Lê Thanh	**Thảo**	02/11/2004					C24QT5	
2	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
3	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	31/08/2000					C24QT6	
4	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	**Thu**	15/11/2004					C24QT6	
5	2210100191	Lê Minh	**Thư**	14/06/2004					C24QT6	
6	2210100193	Đào Thị Ngọc	**Thương**	03/11/2004					C24QT6	
7	2210100198	Phan Thành	**Thương**	16/02/2004					C24QT6	
8	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	
9	2210100174	Võ Nguyễn Kiều	**Tiên**	26/03/2003					C24QT5	
10	2210100183	Lê Hoàng Trọng	**Tín**	18/07/2000					C24QT6	
11	2210100152	Nguyễn Quốc	**Tín**	26/10/2002					C24QT5	
12	2210100148	Cù Thị Quỳnh	**Trâm**	14/09/2004					C24QT5	
13	2210100149	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	20/05/2004					C24QT5	
14	2210100200	Phạm Trần Tuyết	**Trinh**	21/02/2004					C24QT6	
15	2210100223	Thái Đình	**Trí**	14/01/2003					C24QT7	
16	2210100196	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	11/02/2004					C24QT6	
17	2210100185	Trần Thị Mộng	**Tuyền**	15/10/2004					C24QT6	
18	2210100218	Nguyễn Đức	**Tuyến**	15/11/2004					C24QT7	
19	2210100177	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	08/05/2004					C24QT5	
20	2210040003	Nguyễn Đào Anh	**Tú**	18/06/2003					C24QT5	
21	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	**Uyên**	20/09/2004					C24QT6	
22	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	**Vân**	27/04/2004					C24QT7	
23	2210100180	Nguyễn Trí	**Vinh**	20/10/2004					C24QT6	
24	2210100165	Nguyễn Yến	**Vy**	24/09/2004					C24QT5	
25	2210100155	Nguyễn Thị Như	**Ý**	25/06/2004					C24QT5	
26	2210100206	Trần Như	**Ý**	09/10/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thanh toán quốc tế - MH1104229 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110422901 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Mai Văn Thành Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120029	Trần Thế	**Anh**	25/05/2003					C23TC2	
2	2110120019	Lê Thị Phước	**Bình**	29/04/2003					C23TC1	
3	2110120030	Lê Thị Thùy	**Dương**	23/04/2003					C23TC2	
4	2110120027	Hồ Thị Thu	**Đào**	25/06/2000					C23TC2	
5	2110120018	Nguyễn Thị Thu	**Đạt**	19/05/1997					C23TC1	
6	2110120008	Phạm Hải	**Đăng**	16/05/2003					C23TC1	
7	2110120047	Nguyễn Trần Châu	**Giang**	18/12/2003					C23TC2	
8	2110120046	Trần Thị Huỳnh	**Hạ**	07/07/2003					C23TC2	
9	2110120026	Hà Bảo	**Hân**	08/09/2003					C23TC2	
10	2110120009	Lê Ngọc	**Hân**	04/10/2003					C23TC1	
11	2110120035	Võ Thị Mỹ	**Huyền**	12/02/2003					C23TC2	
12	2110120002	Nguyễn Quốc	**Khang**	07/01/2003					C23TC1	
13	2110120022	Nguyễn Quốc	**Khánh**	26/06/2003					C23TC1	
14	2110120013	Nguyễn Phước	**Lập**	13/04/2002					C23TC1	
15	2110120041	Trần Thị Bích	**Liễu**	06/05/2003					C23TC2	
16	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	07/05/2003					C23TC2	
17	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	18/11/2003					C23TC2	
18	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	**Mai**	04/08/2003					C23TC2	
19	2110120012	Quan Thị Tuyết	**Minh**	15/06/2003					C23TC1	
20	2110120034	Trần Thuỵ Ái	**My**	16/06/2003					C23TC2	
21	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	**Nhi**	12/05/2003					C23TC1	
22	2110120001	Nguyễn Tấn	**Phong**	05/08/2003					C23TC1	
23	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	**Tài**	04/11/2003					C23TC2	
24	2110120024	Đoàn Ngọc	**Thanh**	19/07/2003					C23TC1	
25	2110120025	Lê Hoàng	**Thái**	24/08/2003					C23TC1	
26	2110120038	Võ Duy	**Thịnh**	06/05/2003					C23TC2	
27	2110120021	Võ Thị Anh	**Thơ**	16/08/2003					C23TC1	
28	2110120039	Nguyễn Anh	**Thư**	23/04/2003					C23TC2	
29	2110120017	Ngô Hiếu	**Toàn**	06/11/2003					C23TC1	
30	2110120036	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	12/04/2003					C23TC2	
31	2110120005	Nguyễn Thị Phương	**Trinh**	01/09/2003					C23TC1	
32	2110120003	Võ Thị Ngọc	**Trinh**	20/07/2003					C23TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110120023	Cao Thụy Mỹ	**Tuyên**	02/11/2003					C23TC1	
34	2110120020	Trần Phan Kim	**Tuyến**	19/04/2003					C23TC1	
35	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	15/06/2003					C23TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Mạch điện - MH1102028

Mã lớp học phần: MH110202801 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210030005	Trịnh Thái	**An**	21/04/2004					C24DDT	
2	2210030013	Lý Gia	**Bảo**	04/09/2004					C24DDT	
3	2210030006	Trần Gia	**Bảo**	02/11/2004					C24DDT	
4	2210030002	Lê Minh	**Cẩn**	06/12/2004					C24DDT	
5	2210010037	Trần Thiện	**Công**	30/05/2004					C24DDT	
6	2210030009	Bùi Nguyễn Khánh	**Duy**	01/03/2004					C24DDT	
7	2210030016	Bành Bửu	**Đạt**	09/05/2004					C24DDT	
8	2210030027	Ngô Lê Gia	**Đạt**	27/04/2004					C24DDT	
9	2210030028	Nguyễn Lê Y	**Đức**	28/08/2004					C24DDT	
10	2210030022	Huỳnh Quang	**Huy**	26/04/2003					C24DDT	
11	2210030021	Lâm Gia	**Huy**	19/01/2004					C24DDT	
12	2210030012	Lý Ngọc	**Huy**	07/08/2004					C24DDT	
13	2210030023	Nguyễn Văn Tấn	**Hùng**	21/11/2004					C24DDT	
14	2210030004	Trần Phúc An	**Khang**	07/05/2004					C24DDT	
15	2210030015	Phạm Quốc	**Khánh**	02/09/2003					C24DDT	
16	2210010087	Hà Ngọc	**Lương**	26/02/2004					C24DDT	
17	2210030001	Lê Đại	**Nghĩa**	14/02/2004					C24DDT	
18	2210030029	Trần Trung	**Nghĩa**	09/03/2004					C24DDT	
19	2210030007	Nguyễn Trần Thanh	**Phong**	11/05/2004					C24DDT	
20	2210030003	Trương Minh Tuấn	**Phong**	06/02/2004					C24DDT	
21	2210030010	Vũ Minh	**Phước**	21/10/2002					C24DDT	
22	2210030024	Trần Minh	**Quang**	20/01/2004					C24DDT	
23	2210010005	Võ Văn	**Quốc**	07/11/2003					C24DDT	
24	2210030018	Ngô Minh	**Tân**	11/06/2004					C24DDT	
25	2210030020	Phan Minh	**Thắng**	20/03/2003					C24DDT	
26	2210030011	Trần Quốc	**Thắng**	24/10/2004					C24DDT	
27	2210030008	Lâm Hữu	**Tiến**	31/12/2004					C24DDT	
28	2210030017	Lương Thanh Anh	**Tuấn**	15/08/2004					C24DDT	
29	2210030019	Lê Quốc	**Việt**	23/05/2004					C24DDT	
30	2210030014	Phạm Văn	**Vĩ**	28/07/2002					C24DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị tài chính - MH1104045

Mã lớp học phần: MH110404501 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh	**Anh**	12/04/2002					C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh	**Bình**	08/11/2003					C23QT1	
3	2110100101	Nguyễn Thị Kim	**Chung**	20/11/2003					C23QT3	
4	2110100097	Phan	**Chung**	17/03/2003					C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh	**Cường**	07/12/2003					C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công	**Danh**	25/07/2002					C23QT2	
7	2110100031	Nguyễn Thị Thúy	**Duy**	30/11/2003					C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh	**Dương**	21/05/2003					C23QT1	
9	2110100022	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	29/05/2003					C23QT1	
10	2110100004	Nguyễn Nhựt	**Hào**	14/08/2002					C23QT1	
11	2110100045	Tôn Nữ Minh	**Hạ**	12/11/2003					C23QT2	
12	2110100029	Lê Huỳnh	**Hân**	28/02/2003					C23QT1	
13	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm	**Hân**	13/02/2002					C23QT1	
14	2110100095	Nguyễn Thị Minh	**Hiền**	08/08/2003					C23QT3	
15	2110100051	Võ Thị Mỹ	**Hòa**	28/01/2003					C23QT2	
16	2110100039	Phan Thị Ngọc	**Huế**	24/11/2003					C23QT2	
17	2110100006	Đặng Diễm	**Huyền**	30/07/2002					C23QT1	
18	2110100080	Trần Thị Ngọc	**Huyền**	24/11/2003					C23QT3	
19	2110100082	Lê Vạn	**Hưng**	11/11/2003					C23QT3	
20	2110100054	Lương Minh	**Hương**	19/03/2003					C23QT2	
21	2110100087	Trần Thị	**Hương**	26/11/2003					C23QT3	
22	2110100079	Mai Phú	**Khang**	03/10/2003					C23QT3	
23	2110100138	Phan Đăng	**Khoa**	27/01/2003					C23QT2	
24	2110100085	Nguyễn Thị	**Kiều**	17/06/2003					C23QT3	
25	2110100016	Phạm Thị	**Lan**	18/01/2003					C23QT3	
26	2110100064	Nguyễn Thị Kiều	**Liên**	17/01/2003					C23QT2	
27	2110100089	Nguyễn Thị Trúc	**Liên**	21/09/2003					C23QT3	
28	2110100073	Nguyễn Khánh	**Linh**	06/03/2003					C23QT3	
29	2110100105	Trần Hoàng	**Linh**	03/05/2003					C23QT3	
30	2110100081	Trần Quang	**Linh**	13/09/2003					C23QT3	
31	2110100001	Nguyễn Thành	**Long**	22/04/2001					C23QT3	
32	2110100003	Đinh Văn	**Lộc**	05/12/2001					C23QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	**My**	12/05/2003					C23QT2	
34	2110100055	Trần Hà	**My**	28/01/2003					C23QT2	
35	2110100015	Nguyễn Thị	**Nga**	17/03/2003					C23QT1	
36	2110100096	Nguyễn Thị Hồng	**Ngân**	25/09/2003					C23QT3	
37	2110100030	Nguyễn Thái	**Nguyên**	14/01/2003					C23QT1	
38	2110100041	Trần Thị Thanh	**Nhi**	09/04/2003					C23QT2	
39	2110100049	Trịnh Thị Yến	**Nhi**	16/02/2003					C23QT2	
40	2110100018	Nguyễn Thị Kiều	**Oanh**	25/12/2003					C23QT1	
41	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	**Phát**	01/07/2003					C23QT2	
42	2110100058	Châu Hải	**Phi**	25/03/2003					C23QT2	
43	2110100074	Lê Thái	**Phương**	02/09/2002					C23QT3	
44	2110100103	Nguyễn Bùi Hải	**Quan**	03/07/2003					C23QT3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị tài chính - MH1104045 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110404501 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100100	Nguyễn Bé	**Quàng**	25/05/2003					C23QT3	
2	2110100033	Nguyễn Anh	**Quốc**	08/12/2003					C23QT1	
3	2110100057	Lê Thị Tú	**Quyên**	14/02/2003					C23QT2	
4	2110100034	Trần Thị Bích	**Quyên**	02/09/2000					C23QT1	
5	2110100069	Nguyễn Hoàng	**Tấn**	08/10/2002					C23QT2	
6	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh	**Thanh**	17/06/2003					C23QT2	
7	2110100077	Võ Lê Thu	**Thảo**	12/05/2002					C23QT3	
8	2110100098	Vũ Thị Thu	**Thảo**	09/11/2002					C23QT3	
9	2110100099	Nguyễn Phước	**Thịnh**	29/03/2003					C23QT3	
10	2110100086	Phan Thị Kim	**Thoa**	04/01/2003					C23QT3	
11	1810100081	Nguyễn Phước	**Thọ**	12/03/2000					C20QT2	
12	2110100094	Đoàn Minh	**Thư**	15/08/2003					C23QT3	
13	2110100009	Hàn Xuân	**Thy**	20/11/1999					C23QT1	
14	2110100032	Hà Mỹ	**Tiên**	08/07/2003					C23QT1	
15	2110100084	Cù Phi	**Tiến**	02/01/2003					C23QT3	
16	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	22/12/2003					C23QT3	
17	2110100066	Trương Văn Cu	**Trinh**	06/05/2003					C23QT2	
18	2110100046	Phan Minh	**Trí**	17/08/2003					C23QT2	
19	2110100092	Lê Thị Thanh	**Trúc**	21/12/2003					C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích	**Tuyền**	15/05/2003					C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	20/10/2000					C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	06/11/2003					C23QT1	
23	2110100059	Nguyễn Tường	**Vi**	31/03/2003					C23QT2	
24	2110100008	Huỳnh Nhật Tường	**Vy**	19/10/2002					C23QT1	
25	2110100037	Nguyễn Lê Tường	**Vy**	19/07/2003					C23QT2	
26	2110100021	Nguyễn Tường	**Vy**	13/09/2003					C23QT1	
27	2110100042	Trần Thị Tường	**Vy**	27/11/2003					C23QT1	
28	2110100019	Huỳnh Thị Nhã	**Yến**	24/10/2003					C23QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị tài chính - MH1104045

Mã lớp học phần: MH110404502 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003					C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003					C23QT6	
3	2110100210	Phan Thị Mai	**Anh**	07/07/2003					C23QT5	
4	2110100111	Lê Trần Quốc	**Cơ**	30/12/2003					C23QT4	
5	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001					C23QT6	
6	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Duy**	05/07/2003					C23QT5	
7	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002					C22QT4	
8	2110100149	Đỗ Thị Anh	**Đào**	03/04/2003					C23QT5	
9	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003					C23QT6	
10	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003					C23QT6	
11	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003					C23QT6	
12	2110100121	Nguyễn Thị Như	**Hảo**	18/09/2003					C23QT4	
13	2110100128	Nguyễn Thị Hồng	**Hạnh**	10/03/2003					C23QT4	
14	2110100169	Phan Ngọc	**Hằng**	20/07/2003					C23QT5	
15	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002					C23QT5	
16	2110100161	Võ Thị Cẩm	**Huyền**	24/05/2003					C23QT5	
17	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003					C23QT6	
18	2110100171	Nguyễn Đăng	**Khoa**	27/05/2001					C23QT5	
19	2110100155	Đặng Thị Phương	**Lam**	30/09/2003					C23QT5	
20	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003					C23QT6	
21	2110100137	Nguyễn Trọng	**Linh**	06/02/2003					C23QT4	
22	2110040052	Cao Tấn	**Lộc**	15/05/2003					C23QT6	
23	2110100160	Nguyễn Văn	**Minh**	16/05/2003					C23QT5	
24	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	**Nam**	19/09/2003					C23QT5	
25	2110100133	Lê Thị Kim	**Ngân**	09/08/2003					C23QT4	
26	2110100125	Trần Thảo	**Ngân**	28/03/2003					C23QT4	
27	2110100115	Võ Thị Kim	**Ngân**	24/06/2003					C23QT4	
28	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003					C23QT5	
29	2110100215	Cao Thị Hoài	**Nhi**	19/10/2003					C23QT4	
30	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003					C23QT6	
31	2110100123	Võ Hoàng Kim	**Nhi**	23/02/2003					C23QT4	
32	2110100176	Lê Thị Hoài	**Nhiên**	12/09/2003					C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100127	Trần Hạo	**Nhiên**	26/09/2003					C23QT4	
34	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	**Như**	05/08/2003					C23QT5	
35	2110100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	27/06/2001					C23QT4	
36	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003					C23QT6	
37	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	**Nương**	21/10/2003					C23QT5	
38	2110100135	Huỳnh Thế	**Phát**	19/01/2003					C23QT4	
39	2110100119	Vương Thị Bích	**Phụng**	01/03/2003					C23QT4	
40	2110100118	Nguyễn Đào Hồng	**Phượng**	30/03/2003					C23QT4	
41	2110100167	Dương Tiến	**Quí**	08/02/2003					C23QT5	
42	2110100145	Võ Quốc	**Quy**	03/05/2003					C23QT5	
43	2110100143	Nguyễn Thị Yến	**Tâm**	03/02/2003					C23QT5	
44	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003					C23QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị tài chính - MH1104045

Mã lớp học phần: MH110404502 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003					C23QT6	
2	2010100160	Tô Loan	**Thảo**	18/04/2002					C22QT5	
3	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003					C23QT6	
4	2110100141	Lê Nguyễn Anh	**Thi**	16/08/2002					C23QT5	
5	2110100131	Trương Đình	**Thiên**	25/07/2003					C23QT4	
6	2110100173	Trần Quốc	**Thoãn**	10/10/2003					C23QT5	
7	2110100150	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	31/03/2003					C23QT5	
8	2110100144	Bùi Thị Thủy	**Tiên**	30/05/2003					C23QT5	
9	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003					C23QT5	
10	2110100156	Trần Thị Thủy	**Tiên**	01/11/2003					C23QT5	
11	2110100170	Đỗ Phương	**Tiến**	16/01/2003					C23QT5	
12	2110100124	Nguyễn Phạm Thu	**Trang**	25/06/2003					C23QT4	
13	2110100153	Nguyễn Thùy	**Trang**	16/01/2003					C23QT5	
14	2110100117	Trương Ngọc Bảo	**Trân**	21/08/2002					C23QT4	
15	2110100132	Trần Diễm	**Trinh**	17/08/2003					C23QT4	
16	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003					C23QT6	
17	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyền**	23/11/2003					C23QT4	
18	2110100211	Trương Thị Kim	**Tuyền**	19/09/2003					C23QT5	
19	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003					C23QT6	
20	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003					C23QT6	
21	2110100152	Ngô Thị Thảo	**Vy**	12/11/2003					C23QT4	
22	2110100126	Trịnh Thu Trường	**Vy**	04/12/2003					C23QT4	
23	2110100116	Nguyễn Thị Như	**Ý**	28/01/2003					C23QT4	
24	2110100140	Nguyễn Thị Như	**Ý**	05/08/2003					C23QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thẩm định tín dụng - MH1104216 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110421601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Kim Cương Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120029	Trần Thế	**Anh**	25/05/2003					C23TC2	
2	2110120019	Lê Thị Phước	**Bình**	29/04/2003					C23TC1	
3	2110120030	Lê Thị Thùy	**Dương**	23/04/2003					C23TC2	
4	2110120027	Hồ Thị Thu	**Đào**	25/06/2000					C23TC2	
5	2110120018	Nguyễn Thị Thu	**Đạt**	19/05/1997					C23TC1	
6	2110120008	Phạm Hải	**Đăng**	16/05/2003					C23TC1	
7	2110120047	Nguyễn Trần Châu	**Giang**	18/12/2003					C23TC2	
8	2110120046	Trần Thị Huỳnh	**Hạ**	07/07/2003					C23TC2	
9	2110120026	Hà Bảo	**Hân**	08/09/2003					C23TC2	
10	2110120009	Lê Ngọc	**Hân**	04/10/2003					C23TC1	
11	2110120035	Võ Thị Mỹ	**Huyền**	12/02/2003					C23TC2	
12	2110120002	Nguyễn Quốc	**Khang**	07/01/2003					C23TC1	
13	2110120022	Nguyễn Quốc	**Khánh**	26/06/2003					C23TC1	
14	2110120013	Nguyễn Phước	**Lập**	13/04/2002					C23TC1	
15	2110120041	Trần Thị Bích	**Liễu**	06/05/2003					C23TC2	
16	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	07/05/2003					C23TC2	
17	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	18/11/2003					C23TC2	
18	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	**Mai**	04/08/2003					C23TC2	
19	2110120012	Quan Thị Tuyết	**Minh**	15/06/2003					C23TC1	
20	2110120034	Trần Thuỵ Ái	**My**	16/06/2003					C23TC2	
21	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	**Nhi**	12/05/2003					C23TC1	
22	2110120001	Nguyễn Tấn	**Phong**	05/08/2003					C23TC1	
23	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	**Tài**	04/11/2003					C23TC2	
24	2110120024	Đoàn Ngọc	**Thanh**	19/07/2003					C23TC1	
25	2110120025	Lê Hoàng	**Thái**	24/08/2003					C23TC1	
26	2110120038	Võ Duy	**Thịnh**	06/05/2003					C23TC2	
27	2110120021	Võ Thị Anh	**Thơ**	16/08/2003					C23TC1	
28	2110120039	Nguyễn Anh	**Thư**	23/04/2003					C23TC2	
29	2110120017	Ngô Hiếu	**Toàn**	06/11/2003					C23TC1	
30	2110120036	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	12/04/2003					C23TC2	
31	2110120005	Nguyễn Thị Phương	**Trinh**	01/09/2003					C23TC1	
32	2110120003	Võ Thị Ngọc	**Trinh**	20/07/2003					C23TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110120020	Trần Phan Kim	**Tuyến**	19/04/2003					C23TC1	
34	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	15/06/2003					C23TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.8** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004					C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004					C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003					C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004					C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004					C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004					C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004					C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004					C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004					C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004					C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004					C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004					C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004					C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004					C24QT4	
15	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004					C24QT3	
16	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004					C24QT4	
17	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.12** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004					C24QT4	
2	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000					C24QT3	
3	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004					C24QT3	
4	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004					C24QT3	
5	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004					C24QT4	
6	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004					C24QT3	
7	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004					C24QT3	
8	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004					C24QT4	
9	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004					C24QT3	
10	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004					C24QT4	
11	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004					C24QT4	
12	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004					C24QT4	
13	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004					C24QT4	
14	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004					C24QT3	
15	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004					C24QT3	
16	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004					C24QT3	
17	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004					C24QT4	
18	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004					C24QT4	
19	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004					C24QT4	
20	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004					C24QT3	
21	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004					C24QT4	
22	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004					C24QT4	
23	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004					C24QT3	
24	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004					C24QT3	
25	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004					C24QT3	
26	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004					C24QT4	
27	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004					C24QT4	
28	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001					C24QT3	
29	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004					C24QT3	
30	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004					C24QT3	
31	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004					C24QT3	
32	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004					C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	**Tiên**	16/12/2002					C22QT6	
34	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004					C24QT3	
35	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004					C24QT3	
36	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003					C24QT4	
37	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004					C24QT4	
38	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004					C24QT3	
39	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403605 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng	**An**	12/04/2002					C24QT7	
2	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004					C24TC1	
3	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004					C24TC1	
4	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004					C24TC2	
5	2210100220	Hồ Phát	**Đạt**	15/07/2004					C24QT7	
6	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004					C24TC2	
7	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003					C24TC1	
8	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004					C24TC1	
9	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	19/08/2004					C24QT7	
10	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004					C24TC1	
11	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
12	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004					C24TC1	
13	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/04/2004					C24TC1	
14	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004					C24TC1	
15	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004					C24TC2	
16	2210100224	Trương Thanh	**Ngân**	12/01/2004					C24QT7	
17	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003					C24TC2	
18	2210100226	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	12/01/2004					C24QT7	
19	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004					C24TC2	
20	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003					C24TC1	
21	2210010115	Nguyễn Thanh	**Phú**	30/07/2004					C24QT7	
22	2210100227	Võ Ngọc Phi	**Phụng**	24/05/2004					C24QT7	
23	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001					C24TC1	
24	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403605 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 03/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.11** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
2	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004					C24TC2	
3	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004					C24TC2	
4	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004					C24TC1	
5	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004					C24TC1	
6	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004					C24TC2	
7	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003					C24TC2	
8	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003					C24TC2	
9	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004					C24TC1	
10	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004					C24TC2	
11	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004					C24TC1	
12	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	
13	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004					C24TC1	
14	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003					C24TC2	
15	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004					C24TC2	
16	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004					C24TC2	
17	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004					C24TC2	
18	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004					C24TC2	
19	2210100223	Thái Đình	**Trí**	14/01/2003					C24QT7	
20	2210100218	Nguyễn Đức	**Tuyến**	15/11/2004					C24QT7	
21	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004					C24TC2	
22	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	**Vân**	27/04/2004					C24QT7	
23	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400502 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đính Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
8	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
9	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
10	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
11	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
12	2210100081	Lê Hoàng Tuyết	**Hân**	18/07/2004					C24QT2	
13	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
16	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004					C24QT2	
17	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
18	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
19	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
20	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
21	2210100041	Trương Đăng	**Khoa**	02/07/2004					C24QT2	
22	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
23	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	15/12/2004					C24QT2	
24	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
25	2210100044	Tạ Thị Ngọc	**Mai**	15/02/2004					C24QT2	
26	2210100050	Phan Tiểu	**Mẩn**	29/05/2004					C24QT2	
27	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
28	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
29	2210100047	Hà Thị Mỹ	**Ngọc**	17/04/2004					C24QT2	
30	2210100016	Trương Thị Mỹ	**Ngọc**	11/08/2004					C24QT1	
31	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	
32	2210100040	Đỗ Thị	**Nhi**	29/07/2004					C24QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	
34	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	25/03/2004					C24QT2	
35	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
36	2210100063	Nguyễn Thị	**Oanh**	15/01/2004					C24QT2	
37	2210100058	Lê Kim	**Phượng**	19/06/2003					C24QT2	
38	2210100057	Lăng Tiến	**Quốc**	26/01/2004					C24QT2	
39	2210100045	Phạm Thị Phương	**Quyên**	25/08/2004					C24QT2	
40	2210100046	Đỗ Ngọc	**Sơn**	09/10/2004					C24QT2	
41	2210100036	Trần Thị Phương	**Thảo**	06/07/2004					C24QT2	
42	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400502 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đính Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
2	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
3	2210100033	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	13/08/2004					C24QT2	
4	1810100081	Nguyễn Phước	**Thọ**	12/03/2000					C20QT2	
5	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	
6	2210100052	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	03/11/2004					C24QT2	
7	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
8	2210100055	Đàm Thị Thanh	**Thúy**	09/11/2002					C24QT2	
9	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
10	2210100113	Đoàn Lê Minh	**Thư**	08/08/2004					C24QT1	
11	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
12	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
13	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
14	2210100070	Bùi Ngọc	**Tuyết**	08/12/2004					C24QT2	
15	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
16	2210100025	Nguyễn Thị Yến	**Vi**	06/03/2004					C24QT2	
17	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
18	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400503 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đính

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004					C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004					C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003					C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004					C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004					C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004					C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004					C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004					C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004					C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004					C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004					C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004					C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004					C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400503 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kim Đính Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004					C24QT3	
2	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004					C24QT4	
3	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004					C24QT4	
4	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004					C24QT4	
5	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000					C24QT3	
6	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004					C24QT3	
7	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004					C24QT3	
8	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004					C24QT4	
9	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004					C24QT3	
10	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004					C24QT3	
11	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004					C24QT4	
12	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004					C24QT3	
13	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004					C24QT4	
14	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004					C24QT4	
15	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004					C24QT4	
16	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004					C24QT4	
17	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004					C24QT3	
18	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004					C24QT3	
19	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004					C24QT3	
20	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004					C24QT4	
21	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004					C24QT4	
22	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004					C24QT4	
23	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004					C24QT3	
24	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004					C24QT4	
25	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004					C24QT4	
26	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004					C24QT3	
27	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004					C24QT3	
28	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004					C24QT3	
29	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004					C24QT4	
30	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004					C24QT4	
31	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001					C24QT3	
32	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004					C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004					C24QT3	
34	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004					C24QT3	
35	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004					C24QT3	
36	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004					C24QT3	
37	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004					C24QT3	
38	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003					C24QT4	
39	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004					C24QT4	
40	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004					C24QT3	
41	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Cung cấp điện - MH1102016 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110201601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110030018	Hồ Minh	**Bảo**	18/08/2003					C23DDT	
2	2110030004	Võ Khánh	**Duy**	13/03/2003					C23DDT	
3	2110030024	Huỳnh Khắc	**Đạt**	08/10/2003					C23DDT	
4	2110030016	Lê Hồng	**Hải**	17/10/2003					C23DDT	
5	2110030020	Cao Đình	**Hậu**	14/10/2003					C23DDT	
6	2110030008	Nguyễn Anh	**Khôi**	25/12/2003					C23DDT	
7	2110030013	Nguyễn Trần Gia	**Kiệt**	14/05/2003					C23DDT	
8	2110030007	Nguyễn Minh	**Nhựt**	27/10/2003					C23DDT	
9	2110040060	Hứa Vũ	**Phong**	11/08/2003					C23DDT	
10	2110030003	Nguyễn Trọng	**Phú**	01/07/2003					C23DDT	
11	2110030019	Nguyễn Hồng	**Phúc**	27/12/2003					C23DDT	
12	2110030012	Nguyễn Minh	**Quân**	08/12/2003					C23DDT	
13	2110030015	Lê Ngọc	**Sơn**	07/10/2003					C23DDT	
14	2110030014	Võ Phúc	**Tính**	26/05/2003					C23DDT	
15	2110030002	Trần Chí	**Trung**	20/08/2002					C23DDT	
16	2110030009	Nguyễn Thanh	**Tuấn**	06/09/2003					C23DDT	
17	2110030021	Nguyễn Hoàng Thái	**Tú**	19/10/2003					C23DDT	
18	2110030006	Ngô Hoàng	**Vĩ**	16/05/2000					C23DDT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái	**An**	08/08/2004					C24QT6	
2	2210100171	Đặng Quỳnh	**Anh**	23/04/2004					C24QT5	
3	2210100212	Lê Thị Hồng	**Anh**	27/04/2003					C24QT6	
4	2210100207	Lý Thảo	**Anh**	30/06/2004					C24QT6	
5	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn	**Anh**	23/03/2004					C24QT6	
6	2210100167	Võ Kim	**Anh**	22/11/2004					C24QT5	
7	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	**Ái**	18/09/2004					C24QT6	
8	2210100153	Âu Hoài	**Ân**	29/10/2004					C24QT5	
9	2210100178	Bùi Nguyễn Việt	**Cường**	14/10/2004					C24QT5	
10	2210100150	Lê Thị Kim	**Dung**	15/08/2004					C24QT5	
11	2210100151	Lê Đặng Mỹ	**Duyên**	10/07/2004					C24QT5	
12	2210100154	Phạm Thị Tuyết	**Dương**	09/11/2004					C24QT5	
13	2210100157	Nguyễn	**Đức**	12/05/2004					C24QT5	
14	2210100164	Lê Thị Thu	**Hà**	05/06/2003					C24QT5	
15	2210100158	Đặng Minh	**Hiếu**	10/03/2004					C24QT5	
16	2210100162	Nguyễn Thị Diễm	**Huỳnh**	16/07/2004					C24QT5	
17	2210100213	Võ Trọng	**Hùng**	20/10/2003					C24QT6	
18	2210100204	Nguyễn Thị Trúc	**Hương**	04/09/2004					C24QT6	
19	2210100205	Đoái Dĩ	**Khang**	18/01/2004					C24QT6	
20	2210100214	Nguyễn Đình	**Khôi**	25/09/2004					C24QT6	
21	2210100146	Ngô Trương Thanh	**Mai**	25/11/2004					C24QT5	
22	2210100194	Nguyễn Hà	**My**	04/09/2004					C24QT6	
23	2210100211	Văn Thị Kim	**Ngân**	27/09/2004					C24QT6	
24	2210100188	Lê Thị Hoài	**Ngọc**	04/08/2002					C24QT6	
25	2210100195	Phạm Như	**Ngọc**	21/09/2004					C24QT6	
26	2210100166	Nguyễn Thị Uyên	**Nhi**	02/10/2004					C24QT5	
27	2210100159	Phạm Thị Yến	**Nhi**	15/06/2004					C24QT5	
28	2210100190	Trần Thị Phương	**Nhi**	14/06/2004					C24QT6	
29	2210100209	Võ Thị Quỳnh	**Như**	29/02/2004					C24QT6	
30	2210100210	Nguyễn Thái	**Phong**	22/04/2002					C24QT6	
31	2210100144	Nguyễn Thị Kiều	**Quyên**	03/09/2004					C24QT5	
32	2210100172	Cao Thị Mỹ	**Quyền**	02/12/2004					C24QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	
34	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Tâm**	05/02/2004					C24QT6	
35	2210100147	Hồ Lê Thanh	**Thảo**	02/11/2004					C24QT5	
36	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
37	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	31/08/2000					C24QT6	
38	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	**Thu**	15/11/2004					C24QT6	
39	2210100191	Lê Minh	**Thư**	14/06/2004					C24QT6	
40	2210100193	Đào Thị Ngọc	**Thương**	03/11/2004					C24QT6	
41	2210100198	Phan Thành	**Thương**	16/02/2004					C24QT6	
42	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400504 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100174	Võ Nguyễn Kiều	**Tiên**	26/03/2003					C24QT5	
2	2210100183	Lê Hoàng Trọng	**Tín**	18/07/2000					C24QT6	
3	2210100148	Cù Thị Quỳnh	**Trâm**	14/09/2004					C24QT5	
4	2210100149	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	20/05/2004					C24QT5	
5	2210100200	Phạm Trần Tuyết	**Trinh**	21/02/2004					C24QT6	
6	2210100196	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	11/02/2004					C24QT6	
7	2210100185	Trần Thị Mộng	**Tuyền**	15/10/2004					C24QT6	
8	2210100177	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	08/05/2004					C24QT5	
9	2210040003	Nguyễn Đào Anh	**Tú**	18/06/2003					C24QT5	
10	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	**Uyên**	20/09/2004					C24QT6	
11	2210100180	Nguyễn Trí	**Vinh**	20/10/2004					C24QT6	
12	2210100165	Nguyễn Yến	**Vy**	24/09/2004					C24QT5	
13	2210100155	Nguyễn Thị Như	**Ý**	25/06/2004					C24QT5	
14	2210100206	Trần Như	**Ý**	09/10/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005

Mã lớp học phần: MH110400501 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004					C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003					C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004					C24KT1	
4	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001					C24KT2	
5	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004					C24KT2	
6	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003					C24KT2	
7	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994					C24KT2	
8	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002					C24KT1	
9	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003					C24KT1	
10	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002					C24KT1	
11	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000					C24KT1	
12	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000					C24KT1	
13	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004					C24KT2	
14	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004					C24KT2	
15	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004					C24KT2	
16	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004					C24KT2	
17	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004					C24KT1	
18	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004					C24KT2	
19	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004					C24KT1	
20	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004					C24KT1	
21	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004					C24KT1	
22	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004					C24KT1	
23	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004					C24KT2	
24	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004					C24KT1	
25	1810100044	Nguyễn Ngọc Bảo	**Nhung**	12/09/2000					C20QT3	
26	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004					C24KT1	
27	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004					C24KT2	
28	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004					C24KT1	
29	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004					C24KT2	
30	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000					C24KT1	
31	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004					C24KT1	
32	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004					C24KT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003					C24KT2	
34	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004					C24KT2	
35	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004					C24KT2	
36	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004					C24KT1	
37	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003					C24KT2	
38	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004					C24KT1	
39	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998					C24KT2	
40	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004					C24KT2	
41	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001					C24KT1	
42	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002					C24KT1	
43	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
44	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004					C24KT2	
45	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004					C24KT1	
46	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400501 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004					C24KT1	
2	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400505 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng	**An**	12/04/2002					C24QT7	
2	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004					C24TC1	
3	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004					C24TC1	
4	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004					C24TC2	
5	2210100220	Hồ Phát	**Đạt**	15/07/2004					C24QT7	
6	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004					C24TC2	
7	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003					C24TC1	
8	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004					C24TC1	
9	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	19/08/2004					C24QT7	
10	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004					C24TC1	
11	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
12	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004					C24TC1	
13	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/04/2004					C24TC1	
14	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003					C24TC1	
15	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004					C24TC1	
16	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004					C24TC2	
17	2210100224	Trương Thanh	**Ngân**	12/01/2004					C24QT7	
18	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003					C24TC2	
19	2210100226	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	12/01/2004					C24QT7	
20	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004					C24TC2	
21	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003					C24TC1	
22	2210010115	Nguyễn Thanh	**Phú**	30/07/2004					C24QT7	
23	2210100227	Võ Ngọc Phi	**Phụng**	24/05/2004					C24QT7	
24	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001					C24TC1	
25	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004					C24TC2	
26	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
27	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004					C24TC2	
28	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004					C24TC2	
29	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004					C24TC1	
30	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004					C24TC1	
31	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004					C24TC2	
32	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003					C24TC2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003					C24TC2	
34	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004					C24TC1	
35	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004					C24TC2	
36	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004					C24TC1	
37	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	
38	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004					C24TC1	
39	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003					C24TC2	
40	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004					C24TC2	
41	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004					C24TC2	
42	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004					C24TC2	
43	2210120012	Phan Thị Ngọc	**Trâm**	06/06/2004					C24TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị học - MH1104005 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110400505 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004					C24TC2	
2	2210100223	Thái Đình	**Trí**	14/01/2003					C24QT7	
3	2210100218	Nguyễn Đức	**Tuyến**	15/11/2004					C24QT7	
4	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004					C24TC2	
5	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	**Vân**	27/04/2004					C24QT7	
6	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Mã lớp học phần: MH110412301 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003					C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003					C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003					C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003					C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002					C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003					C23KT1	
7	2110110045	Đào Ngọc	**Hồng**	20/06/2002					C23KT2	
8	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003					C23KT1	
9	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003					C23KT1	
10	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003					C23KT1	
11	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003					C23KT1	
12	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003					C23KT1	
13	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003					C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003					C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003					C23KT1	
16	2110110015	Lê Bùi Thúy	**Nhi**	24/08/2003					C23KT1	
17	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003					C23KT1	
18	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003					C23KT2	
19	1910110013	Lê Thị Cẩm	**Nhung**	07/09/2001					C21KT	
20	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003					C23KT1	
21	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003					C23KT1	
22	2110110021	Võ Lâm Hồng	**Nhung**	24/10/2003					C23KT1	
23	2110110028	Hồ Hồng Yến	**Oanh**	25/08/2003					C23KT1	
24	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003					C23KT1	
25	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995					C23KT1	
26	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003					C23KT1	
27	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003					C23KT2	
28	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003					C23KT1	
29	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003					C23KT2	
30	2110110024	Vũ Minh	**Thư**	29/10/2003					C23KT1	
31	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999					C23KT2	
32	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999					C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003					C23KT2	
34	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003					C23KT1	
35	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003					C23KT1	
36	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003					C23KT2	
37	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002					C23KT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Grammar 1 - MH1105024 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110502401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân	**Anh**	02/10/2003					C24TA	
2	2210130008	Nguyễn Thị Phương	**Anh**	20/10/2004					C24TA	
3	2210130013	Lương Y	**Bình**	14/03/2004					C24TA	
4	2210130026	Đặng Nguyễn Kim	**Hằng**	27/06/2004					C24TA	
5	2210130020	Trần Thị Ngọc	**Hân**	07/10/2003					C24TA	
6	2210130029	Võ Thị Thanh	**Hậu**	17/05/2004					C24TA	
7	2210130035	Hồ Minh	**Hên**	11/04/2004					C24TA	
8	2210130030	Đỗ Thị Diệu	**Linh**	25/10/2004					C24TA	
9	2210130023	Cao Thành	**Long**	28/10/2004					C24TA	
10	2210130031	Trần Thị Kim	**Ngân**	21/10/2004					C24TA	
11	2210130028	Lưu Hồng	**Ngọc**	07/06/2003					C24TA	
12	2210130001	Nguyễn Ngọc Yến	**Nhi**	19/11/2003					C24TA	
13	2210130011	Phạm Thị Xuân	**Nhi**	30/05/2004					C24TA	
14	2210130016	Nguyễn Anh	**Phát**	26/02/2004					C24TA	
15	2210130034	Nguyễn Thanh	**Phong**	09/05/2004					C24TA	
16	2210130002	Phan Ngọc	**Quyên**	17/11/2003					C24TA	
17	2210130021	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	16/11/2004					C24TA	
18	2210130025	Dương Minh	**Thái**	17/05/2004					C24TA	
19	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương	**Thư**	17/04/2004					C24TA	
20	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh	**Thư**	01/04/2004					C24TA	
21	2210130007	Nguyễn Huyền	**Trân**	09/05/2004					C24TA	
22	2210130012	Phạm Huỳnh Diễm	**Trinh**	12/09/2004					C24TA	
23	2210130022	Trần Thị Tường	**Vi**	25/04/2004					C24TA	
24	2210130004	Võ Ngọc Phương	**Vy**	19/04/2003					C24TA	Nợ HP
25	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi	**Yến**	27/11/2004					C24TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị chiến lược - MH1104044 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110404401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh	**Anh**	12/04/2002					C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh	**Bình**	08/11/2003					C23QT1	
3	2110100101	Nguyễn Thị Kim	**Chung**	20/11/2003					C23QT3	
4	2110100097	Phan	**Chung**	17/03/2003					C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh	**Cường**	07/12/2003					C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công	**Danh**	25/07/2002					C23QT2	
7	2110100031	Nguyễn Thị Thúy	**Duy**	30/11/2003					C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh	**Dương**	21/05/2003					C23QT1	
9	2110100022	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	29/05/2003					C23QT1	
10	2110100004	Nguyễn Nhựt	**Hào**	14/08/2002					C23QT1	
11	2110100029	Lê Huỳnh	**Hân**	28/02/2003					C23QT1	
12	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm	**Hân**	13/02/2002					C23QT1	
13	2110100095	Nguyễn Thị Minh	**Hiền**	08/08/2003					C23QT3	
14	2110100039	Phan Thị Ngọc	**Huế**	24/11/2003					C23QT2	
15	2110100006	Đặng Diễm	**Huyền**	30/07/2002					C23QT1	
16	2110100080	Trần Thị Ngọc	**Huyền**	24/11/2003					C23QT3	
17	2110100082	Lê Vạn	**Hưng**	11/11/2003					C23QT3	
18	2110100054	Lương Minh	**Hương**	19/03/2003					C23QT2	
19	2110100087	Trần Thị	**Hương**	26/11/2003					C23QT3	
20	2110100079	Mai Phú	**Khang**	03/10/2003					C23QT3	
21	2110100138	Phan Đăng	**Khoa**	27/01/2003					C23QT2	
22	2110100085	Nguyễn Thị	**Kiều**	17/06/2003					C23QT3	
23	2110100016	Phạm Thị	**Lan**	18/01/2003					C23QT3	
24	2110100064	Nguyễn Thị Kiều	**Liên**	17/01/2003					C23QT2	
25	2110100089	Nguyễn Thị Trúc	**Liên**	21/09/2003					C23QT3	
26	2110100073	Nguyễn Khánh	**Linh**	06/03/2003					C23QT3	
27	2110100105	Trần Hoàng	**Linh**	03/05/2003					C23QT3	
28	2110100081	Trần Quang	**Linh**	13/09/2003					C23QT3	
29	2110100001	Nguyễn Thành	**Long**	22/04/2001					C23QT3	
30	2110100003	Đinh Văn	**Lộc**	05/12/2001					C23QT1	
31	2110100043	Nguyễn Đình	**Lộc**	08/03/2003					C23QT2	
32	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	**My**	12/05/2003					C23QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100055	Trần Hà	**My**	28/01/2003					C23QT2	
34	2110100015	Nguyễn Thị	**Nga**	17/03/2003					C23QT1	
35	2110100096	Nguyễn Thị Hồng	**Ngân**	25/09/2003					C23QT3	
36	2110100030	Nguyễn Thái	**Nguyên**	14/01/2003					C23QT1	
37	2110100041	Trần Thị Thanh	**Nhi**	09/04/2003					C23QT2	
38	2110100049	Trịnh Thị Yến	**Nhi**	16/02/2003					C23QT2	
39	2110100018	Nguyễn Thị Kiều	**Oanh**	25/12/2003					C23QT1	
40	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	**Phát**	01/07/2003					C23QT2	
41	2110100058	Châu Hải	**Phi**	25/03/2003					C23QT2	
42	2110100074	Lê Thái	**Phương**	02/09/2002					C23QT3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị chiến lược - MH1104044 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110404401 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100103	Nguyễn Bùi Hải	**Quan**	03/07/2003					C23QT3	
2	2110100100	Nguyễn Bé	**Quàng**	25/05/2003					C23QT3	
3	2110100033	Nguyễn Anh	**Quốc**	08/12/2003					C23QT1	
4	2110100057	Lê Thị Tú	**Quyên**	14/02/2003					C23QT2	
5	2110100034	Trần Thị Bích	**Quyên**	02/09/2000					C23QT1	
6	2110100069	Nguyễn Hoàng	**Tấn**	08/10/2002					C23QT2	
7	2110100050	Nguyễn Phạm Thanh	**Thanh**	17/06/2003					C23QT2	
8	2110100077	Võ Lê Thu	**Thảo**	12/05/2002					C23QT3	
9	2110100098	Vũ Thị Thu	**Thảo**	09/11/2002					C23QT3	
10	2110100099	Nguyễn Phước	**Thịnh**	29/03/2003					C23QT3	
11	2110100086	Phan Thị Kim	**Thoa**	04/01/2003					C23QT3	
12	2110100094	Đoàn Minh	**Thư**	15/08/2003					C23QT3	
13	2110100009	Hàn Xuân	**Thy**	20/11/1999					C23QT1	
14	2110100032	Hà Mỹ	**Tiên**	08/07/2003					C23QT1	
15	2110100084	Cù Phi	**Tiến**	02/01/2003					C23QT3	
16	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	22/12/2003					C23QT3	
17	2110100066	Trương Văn Cu	**Trinh**	06/05/2003					C23QT2	
18	2110100046	Phan Minh	**Trí**	17/08/2003					C23QT2	
19	2110100092	Lê Thị Thanh	**Trúc**	21/12/2003					C23QT1	
20	2110100013	Hồ Bích	**Tuyền**	15/05/2003					C23QT1	
21	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	20/10/2000					C23QT1	
22	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	06/11/2003					C23QT1	
23	2110100059	Nguyễn Tường	**Vi**	31/03/2003					C23QT2	
24	2110100008	Huỳnh Nhật Tường	**Vy**	19/10/2002					C23QT1	
25	2110100037	Nguyễn Lê Tường	**Vy**	19/07/2003					C23QT2	
26	2110100021	Nguyễn Tường	**Vy**	13/09/2003					C23QT1	
27	2110100019	Huỳnh Thị Nhã	**Yến**	24/10/2003					C23QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị chiến lược - MH1104044 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110404402 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003					C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003					C23QT6	
3	2110100210	Phan Thị Mai	**Anh**	07/07/2003					C23QT5	
4	2110100111	Lê Trần Quốc	**Cơ**	30/12/2003					C23QT4	
5	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001					C23QT6	
6	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002					C22QT4	
7	2110100149	Đỗ Thị Anh	**Đào**	03/04/2003					C23QT5	
8	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003					C23QT6	
9	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003					C23QT6	
10	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003					C23QT6	
11	2110100121	Nguyễn Thị Như	**Hảo**	18/09/2003					C23QT4	
12	2110100128	Nguyễn Thị Hồng	**Hạnh**	10/03/2003					C23QT4	
13	2110100169	Phan Ngọc	**Hằng**	20/07/2003					C23QT5	
14	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002					C23QT5	
15	2110100161	Võ Thị Cẩm	**Huyền**	24/05/2003					C23QT5	
16	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003					C23QT6	
17	2110100171	Nguyễn Đăng	**Khoa**	27/05/2001					C23QT5	
18	2110100155	Đặng Thị Phương	**Lam**	30/09/2003					C23QT5	
19	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003					C23QT6	
20	2110100137	Nguyễn Trọng	**Linh**	06/02/2003					C23QT4	
21	2110040052	Cao Tấn	**Lộc**	15/05/2003					C23QT6	
22	2110100160	Nguyễn Văn	**Minh**	16/05/2003					C23QT5	
23	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	**Nam**	19/09/2003					C23QT5	
24	2110100133	Lê Thị Kim	**Ngân**	09/08/2003					C23QT4	
25	2110100125	Trần Thảo	**Ngân**	28/03/2003					C23QT4	
26	2110100115	Võ Thị Kim	**Ngân**	24/06/2003					C23QT4	
27	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003					C23QT5	
28	2110100215	Cao Thị Hoài	**Nhi**	19/10/2003					C23QT4	
29	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003					C23QT6	
30	2110100123	Võ Hoàng Kim	**Nhi**	23/02/2003					C23QT4	
31	2110100176	Lê Thị Hoài	**Nhiên**	12/09/2003					C23QT5	
32	2110100127	Trần Hạo	**Nhiên**	26/09/2003					C23QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	**Như**	05/08/2003					C23QT5	
34	2110100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	27/06/2001					C23QT4	
35	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003					C23QT6	
36	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	**Nương**	21/10/2003					C23QT5	
37	2110100113	Nguyễn Thụy Hoàng	**Oanh**	12/07/2003					C23QT4	
38	2110100135	Huỳnh Thế	**Phát**	19/01/2003					C23QT4	
39	2110100119	Vương Thị Bích	**Phụng**	01/03/2003					C23QT4	
40	2110100167	Dương Tiến	**Quí**	08/02/2003					C23QT5	
41	2110100145	Võ Quốc	**Quy**	03/05/2003					C23QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị chiến lược - MH1104044 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110404402 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100143	Nguyễn Thị Yến	**Tâm**	03/02/2003					C23QT5	
2	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003					C23QT6	
3	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003					C23QT6	
4	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003					C23QT6	
5	2110100141	Lê Nguyễn Anh	**Thi**	16/08/2002					C23QT5	
6	2110100131	Trương Đình	**Thiên**	25/07/2003					C23QT4	
7	2110100173	Trần Quốc	**Thoãn**	10/10/2003					C23QT5	
8	2110100150	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	31/03/2003					C23QT5	
9	2110100144	Bùi Thị Thủy	**Tiên**	30/05/2003					C23QT5	
10	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003					C23QT5	
11	2110100156	Trần Thị Thủy	**Tiên**	01/11/2003					C23QT5	
12	2110100170	Đỗ Phương	**Tiến**	16/01/2003					C23QT5	
13	2110100124	Nguyễn Phạm Thu	**Trang**	25/06/2003					C23QT4	
14	2110100153	Nguyễn Thùy	**Trang**	16/01/2003					C23QT5	
15	2110100117	Trương Ngọc Bảo	**Trân**	21/08/2002					C23QT4	
16	2110100132	Trần Diễm	**Trinh**	17/08/2003					C23QT4	
17	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003					C23QT6	
18	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyền**	23/11/2003					C23QT4	
19	2110100211	Trương Thị Kim	**Tuyền**	19/09/2003					C23QT5	
20	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003					C23QT6	
21	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003					C23QT6	
22	2110100152	Ngô Thị Thảo	**Vy**	12/11/2003					C23QT4	
23	2110100126	Trịnh Thu Trường	**Vy**	04/12/2003					C23QT4	
24	2110100116	Nguyễn Thị Như	**Ý**	28/01/2003					C23QT4	
25	2110100140	Nguyễn Thị Như	**Ý**	05/08/2003					C23QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902105 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010031	Nguyễn Trần	**An**	19/06/2004					C24TH1	
2	2210010033	Trần Quốc	**Anh**	05/11/2003					C24TH1	
3	2210010038	Bùi Minh	**Danh**	09/09/2003					C24TH2	
4	2210010013	Nguyễn Thanh	**Danh**	12/06/2003					C24TH1	
5	2210010020	Lê Biện Nguyền	**Diễm**	17/02/2004					C24TH1	
6	2210010029	Lý Quốc	**Dinh**	22/01/2003					C24TH1	
7	2210010066	Trần Vũ	**Duy**	07/04/2004					C24TH2	
8	2210010045	Đoàn Hải	**Dương**	05/02/2004					C24TH2	
9	2210010001	Nguyễn Tấn	**Đạt**	26/07/2003					C24TH1	
10	2210010067	Trần Văn	**Đạt**	28/08/2004					C24TH2	
11	2210010040	Lâm Thế	**Hiển**	26/09/2004					C24TH2	
12	2210010068	Nguyễn Văn	**Hoàng**	24/10/2004					C24TH2	
13	2210010064	Phạm Lê Thanh	**Hoàng**	13/09/2004					C24TH2	
14	2210010056	Lê Thanh	**Huy**	10/02/2004					C24TH2	
15	2210010048	Mai Thị Yến	**Huỳnh**	02/12/2004					C24TH1	
16	2210010021	Nguyễn Thị Kim	**Hương**	29/10/2004					C24TH1	
17	2210010019	Phùng Thái Nhật	**Hương**	25/03/2004					C24TH1	
18	2210010044	Lâm Phương	**Khánh**	19/01/2004					C24TH2	
19	2210010022	Nguyễn Lê Anh	**Khoa**	14/09/2004					C24TH1	
20	2210010051	Trần Thanh	**Khoa**	29/10/2003					C24TH2	
21	2210010009	Võ Đức	**Khoa**	20/08/2003					C24TH1	
22	2210010026	Võ Trung	**Kiệt**	04/08/2003					C24TH1	
23	2210010058	Phạm Thùy	**Linh**	27/10/2004					C24TH2	
24	2210010015	Tăng Bội	**Linh**	17/02/2004					C24TH1	
25	2210010072	Lê Văn	**Lộc**	08/11/2004					C24TH2	
26	2210010043	Phan Văn	**Lượng**	13/10/2003					C24TH2	
27	2210010016	Châu Thị Ái	**My**	17/08/2004					C24TH1	
28	2210010073	Trần Cao Kim	**Ngân**	10/08/2004					C24TH2	
29	2210010065	Lê Như	**Ngọc**	16/08/2004					C24TH2	
30	2210010060	Văn Phước	**Ngời**	09/01/2003					C24TH2	
31	2210010035	Lâm Chí	**Nguyên**	10/11/2004					C24TH1	
32	2210010046	Nguyễn Minh	**Nhân**	20/03/2004					C24TH2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210010047	Bùi Tấn	**Phát**	04/12/2004					C24TH2	
34	2210010057	Nguyễn Thị Linh	**Phương**	25/12/2004					C24TH2	
35	2210010061	Nguyễn Quốc	**Quài**	24/08/2003					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902105 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010034	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	06/06/2004					C24TH2	
2	2210010003	Trương Mưu	**Tấn**	06/02/2003					C24TH1	
3	2210010007	Thượng Hồng	**Thắm**	08/07/2003					C24TH1	
4	2210010028	Bùi Huy	**Thuận**	25/02/2003					C24TH1	
5	2210010042	Nguyễn Trần Anh	**Thư**	18/08/2004					C24TH2	
6	2210010024	Lê Hoàng	**Tiến**	02/05/2004					C24TH1	
7	2210010071	Nguyễn Hữu	**Tình**	25/07/2004					C24TH2	
8	2210010085	Phạm Anh	**Toàn**	27/05/2004					C24TH2	
9	2210010032	Lê Minh	**Trung**	28/10/2000					C24TH1	
10	2210010027	Lê Thị Thanh	**Trúc**	22/10/2004					C24TH2	
11	2210010012	Lê Anh	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
12	2210010011	Lê Quốc	**Tuấn**	09/03/2002					C24TH1	
13	2210010023	Nguyễn Hoàng Anh	**Tuấn**	08/10/2003					C24TH1	
14	2210010002	Nguyễn Lê Phương	**Vy**	26/08/2001					C24TH1	
15	2210010014	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/10/2004					C24TH1	
16	2210010069	Huỳnh Ang Hải	**Yến**	28/07/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902106 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010082	Phạm Nhựt	**Anh**	28/06/2004					C24TH3	
2	2210010111	Trần Tuấn	**Anh**	23/09/2004					C24TH4	
3	2210010074	Đào Lâm Gia	**Bảo**	22/09/2004					C24TH3	
4	2210010129	Trần Gia	**Bảo**	11/01/2002					C24TH4	
5	2210010076	Trần Duy	**Bằng**	08/11/2004					C24TH3	
6	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004					C24TC2	
7	2210010099	Đinh Trường	**Duy**	16/12/2004					C24TH3	
8	2210010078	Nguyễn Tiến	**Dũng**	12/09/2004					C24TH3	
9	2210010106	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	21/06/2004					C24TH3	
10	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004					C24TC2	
11	2210010077	Lý Hoàng	**Hải**	17/11/2004					C24TH3	
12	2210010127	Đỗ Quốc	**Hùng**	26/10/2004					C24TH4	
13	2210010075	Nguyễn Phi	**Hùng**	27/06/2004					C24TH3	
14	2210010131	Trần Duy	**Khang**	22/10/2004					C24TH4	
15	2210010141	Đỗ Văn Hoàng	**Khanh**	08/12/2002					C24TH4	
16	2210010142	Phùng Ngọc Đăng	**Khoa**	29/08/2003					C24TH4	
17	2210010130	Nguyễn Bằng	**Lăng**	12/04/2004					C24TH4	
18	2210010108	Trần Huê	**Lộc**	14/12/2002					C24TH3	
19	2210010105	Huỳnh Xuân	**Mạnh**	06/09/2004					C24TH3	
20	2210010097	Võ Trịnh Nhật	**Minh**	29/12/2004					C24TH3	
21	2210010091	Phan Hoài	**Nam**	19/04/2004					C24TH3	
22	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004					C24TC2	
23	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003					C24TC2	
24	2210010102	Phạm Hoài	**Nhân**	03/10/2004					C24TH3	
25	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004					C24TC2	
26	2210010103	Trần Thanh	**Nhựt**	12/03/2004					C24TH3	
27	2210010138	Nguyễn Sô	**Ny**	11/11/2003					C24TH4	
28	2210010139	Lê Thanh	**Phát**	02/02/2004					C24TH4	
29	2210010096	Nguyễn Chí	**Phi**	09/01/2004					C24TH3	
30	2210010095	Hồ Nguyễn	**Phong**	30/12/2004					C24TH3	
31	2210010084	Nguyễn Văn	**Phú**	29/12/2003					C24TH3	
32	2210010089	Hoàng Sỹ	**Phương**	27/08/2003					C24TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004					C24TC2	
34	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004					C24TC2	
35	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004					C24TC2	
36	2210010080	Nhan Trường	**Sáng**	30/03/2004					C24TH3	
37	2210010107	Lê Anh	**Tài**	02/04/2004					C24TH3	
38	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004					C24TC2	
39	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003					C24TC2	
40	2210010132	Nguyễn Việt	**Thắng**	20/12/2004					C24TH4	
41	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003					C24TC2	
42	2210010123	Thái Hoàng Minh	**Thông**	23/01/2004					C24TH4	
43	2210010088	Lê Thị Ngọc	**Thùy**	13/12/2004					C24TH3	
44	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902106 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Hương Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003					C24TC2	
2	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004					C24TC2	
3	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004					C24TC2	
4	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004					C24TC2	
5	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004					C24TC2	
6	2210010120	Trần Phạm Anh	**Trọng**	15/08/2004					C24TH4	
7	2210010079	Nguyễn Mạnh	**Trường**	22/08/2004					C24TH3	
8	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004					C24TC2	
9	2210010110	Lê Quang	**Vinh**	05/12/2004					C24TH3	
10	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004					C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Teaching Methodology - MH1105020 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____
Mã lớp học phần: MH110502001 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____
Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110130009	Huỳnh Thị Ngọc	**Bích**	30/03/2003					C23TA	
2	2110130023	Nguyễn Hà Ngọc	**Châu**	21/11/2003					C23TA	
3	2110130031	Phạm Đào Ngọc	**Hân**	18/09/2003					C23TA	
4	2110130004	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	06/01/2001					C23TA	
5	2110130018	Đặng Trần Anh	**Khôi**	22/07/2003					C23TA	
6	2110130014	Giang Dương	**Ly**	02/11/2003					C23TA	
7	2110130036	Huỳnh Văn	**Lý**	20/02/2002					C23TA	
8	2110130003	Trần Lý Khánh	**Ngân**	17/10/2002					C23TA	
9	2110130037	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	16/09/2003					C23TA	
10	2110130029	Trần Thị Yến	**Nhi**	08/05/2003					C23TA	
11	2110130001	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	29/08/2000					C23TA	
12	2110130030	Phạm Đào Ngọc	**Như**	18/09/2003					C23TA	
13	2110130015	Nguyễn Tấn	**Phước**	23/01/2003					C23TA	
14	2110130019	Phan Thị Kim	**Phượng**	28/07/2003					C23TA	
15	2110130012	Nguyễn Đại	**Tài**	12/04/2003					C23TA	
16	2110130024	Mai Hồ Như	**Thảo**	29/06/2003					C23TA	
17	2110100177	Đoàn Võ Minh	**Thư**	13/01/2003					C23TA	
18	2110130034	Đỗ Nguyễn Minh	**Thy**	07/12/2003					C23TA	
19	2110130011	Phạm Thị Cẩm	**Tiên**	25/02/2003					C23TA	
20	2110130017	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	21/02/2003					C23TA	
21	2110130028	Nguyễn Hữu	**Trí**	01/09/2003					C23TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Mã lớp học phần: MH110403001 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120029	Trần Thế	**Anh**	25/05/2003					C23TC2	
2	2110120019	Lê Thị Phước	**Bình**	29/04/2003					C23TC1	
3	2110120030	Lê Thị Thùy	**Dương**	23/04/2003					C23TC2	
4	2110120027	Hồ Thị Thu	**Đào**	25/06/2000					C23TC2	
5	2110120018	Nguyễn Thị Thu	**Đạt**	19/05/1997					C23TC1	
6	2110120008	Phạm Hải	**Đăng**	16/05/2003					C23TC1	
7	2110120047	Nguyễn Trần Châu	**Giang**	18/12/2003					C23TC2	
8	2110120046	Trần Thị Huỳnh	**Hạ**	07/07/2003					C23TC2	
9	2110120026	Hà Bảo	**Hân**	08/09/2003					C23TC2	
10	2110120009	Lê Ngọc	**Hân**	04/10/2003					C23TC1	
11	2110120035	Võ Thị Mỹ	**Huyền**	12/02/2003					C23TC2	
12	2110120002	Nguyễn Quốc	**Khang**	07/01/2003					C23TC1	
13	2110120022	Nguyễn Quốc	**Khánh**	26/06/2003					C23TC1	
14	2110120013	Nguyễn Phước	**Lập**	13/04/2002					C23TC1	
15	2110120041	Trần Thị Bích	**Liễu**	06/05/2003					C23TC2	
16	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	07/05/2003					C23TC2	
17	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	18/11/2003					C23TC2	
18	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	**Mai**	04/08/2003					C23TC2	
19	2110120012	Quan Thị Tuyết	**Minh**	15/06/2003					C23TC1	
20	2110120034	Trần Thuỵ Ái	**My**	16/06/2003					C23TC2	
21	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	**Nhi**	12/05/2003					C23TC1	
22	2110120001	Nguyễn Tấn	**Phong**	05/08/2003					C23TC1	
23	2110120024	Đoàn Ngọc	**Thanh**	19/07/2003					C23TC1	
24	2110120025	Lê Hoàng	**Thái**	24/08/2003					C23TC1	
25	2110120038	Võ Duy	**Thịnh**	06/05/2003					C23TC2	
26	1810100081	Nguyễn Phước	**Thọ**	12/03/2000					C20QT2	
27	2110120021	Võ Thị Anh	**Thơ**	16/08/2003					C23TC1	
28	2110120039	Nguyễn Anh	**Thư**	23/04/2003					C23TC2	
29	2110120017	Ngô Hiếu	**Toàn**	06/11/2003					C23TC1	
30	2110120036	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	12/04/2003					C23TC2	
31	2110120005	Nguyễn Thị Phương	**Trinh**	01/09/2003					C23TC1	
32	2110120003	Võ Thị Ngọc	**Trinh**	20/07/2003					C23TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110120023	Cao Thụy Mỹ	**Tuyên**	02/11/2003					C23TC1	
34	2110120020	Trần Phan Kim	**Tuyến**	19/04/2003					C23TC1	
35	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	15/06/2003					C23TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902101 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2110040074	Nguyễn Quốc	**Anh**	10/07/2002					C23CK1	
4	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
5	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
6	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
7	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
8	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
9	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
10	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
11	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
12	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
13	2210100081	Lê Hoàng Tuyết	**Hân**	18/07/2004					C24QT2	
14	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
15	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
16	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
17	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004					C24QT2	
18	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
19	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
20	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
21	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
22	2210100041	Trương Đăng	**Khoa**	02/07/2004					C24QT2	
23	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
24	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	15/12/2004					C24QT2	
25	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
26	2210100044	Tạ Thị Ngọc	**Mai**	15/02/2004					C24QT2	
27	2210100050	Phan Tiểu	**Mẫn**	29/05/2004					C24QT2	
28	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
29	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
30	2210100047	Hà Thị Mỹ	**Ngọc**	17/04/2004					C24QT2	
31	2210100016	Trương Thị Mỹ	**Ngọc**	11/08/2004					C24QT1	
32	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100040	Đỗ Thị	**Nhi**	29/07/2004					C24QT2	
34	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	
35	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	25/03/2004					C24QT2	
36	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
37	2210100063	Nguyễn Thị	**Oanh**	15/01/2004					C24QT2	
38	2210100058	Lê Kim	**Phượng**	19/06/2003					C24QT2	
39	2210100057	Lăng Tiến	**Quốc**	26/01/2004					C24QT2	
40	2210100045	Phạm Thị Phương	**Quyên**	25/08/2004					C24QT2	
41	2210100046	Đỗ Ngọc	**Sơn**	09/10/2004					C24QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902101 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100036	Trần Thị Phương	**Thảo**	06/07/2004					C24QT2	
2	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	
3	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
4	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
5	2210100033	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	13/08/2004					C24QT2	
6	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	
7	2210100052	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	03/11/2004					C24QT2	
8	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
9	2210100055	Đàm Thị Thanh	**Thúy**	09/11/2002					C24QT2	
10	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
11	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
12	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
13	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
14	2210100070	Bùi Ngọc	**Tuyết**	08/12/2004					C24QT2	
15	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
16	2210100025	Nguyễn Thị Yến	**Vi**	06/03/2004					C24QT2	
17	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
18	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902104 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Lương Thị Ngọt

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004					C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003					C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004					C24KT1	
4	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004					C24TC1	
5	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001					C24KT2	
6	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004					C24TC1	
7	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004					C24KT2	
8	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003					C24KT2	
9	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003					C24TC1	
10	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994					C24KT2	
11	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002					C24KT1	
12	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004					C24TC1	
13	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003					C24KT1	
14	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002					C24KT1	
15	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001					C24KT2	
16	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000					C24KT1	
17	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004					C24TC1	
18	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000					C24KT1	
19	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004					C24TC1	
20	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004					C24KT2	
21	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/04/2004					C24TC1	
22	2210110021	Dương Thị Diễm	**Kiều**	20/09/2004					C24KT1	
23	2210110022	Dương Thị Trúc	**Linh**	31/12/2004					C24KT1	
24	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004					C24KT2	
25	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004					C24KT2	
26	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004					C24KT2	
27	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004					C24KT1	
28	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004					C24KT2	
29	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004					C24TC1	
30	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004					C24KT1	
31	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004					C24KT1	
32	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004					C24KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004					C24KT1	
34	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004					C24KT2	
35	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004					C24KT1	
36	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003					C24TC1	
37	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004					C24KT1	
38	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004					C24KT2	
39	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004					C24KT1	
40	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004					C24KT2	
41	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001					C24TC1	
42	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000					C24KT1	
43	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004					C24KT1	
44	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004					C24TC1	
45	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004					C24TC1	
46	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……..
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……..
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902104 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lương Thị Ngọt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004					C24TC1	
2	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003					C24KT2	
3	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004					C24KT2	
4	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004					C24KT2	
5	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004					C24TC1	
6	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	
7	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004					C24TC1	
8	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004					C24KT1	
9	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003					C24KT2	
10	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004					C24KT1	
11	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998					C24KT2	
12	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004					C24KT2	
13	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001					C24KT1	
14	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002					C24KT1	
15	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
16	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004					C24KT2	
17	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004					C24KT1	
18	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004					C24KT2	
19	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004					C24KT1	
20	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902103 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Lương Thị Ngọt

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái	**An**	08/08/2004					C24QT6	
2	2210100171	Đặng Quỳnh	**Anh**	23/04/2004					C24QT5	
3	2210100212	Lê Thị Hồng	**Anh**	27/04/2003					C24QT6	
4	2210100207	Lý Thảo	**Anh**	30/06/2004					C24QT6	
5	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn	**Anh**	23/03/2004					C24QT6	
6	2210100167	Võ Kim	**Anh**	22/11/2004					C24QT5	
7	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	**Ái**	18/09/2004					C24QT6	
8	2210100153	Âu Hoài	**Ân**	29/10/2004					C24QT5	
9	2210100178	Bùi Nguyễn Việt	**Cường**	14/10/2004					C24QT5	
10	2210100150	Lê Thị Kim	**Dung**	15/08/2004					C24QT5	
11	2210100151	Lê Đặng Mỹ	**Duyên**	10/07/2004					C24QT5	
12	2210100154	Phạm Thị Tuyết	**Dương**	09/11/2004					C24QT5	
13	2210100220	Hồ Phát	**Đạt**	15/07/2004					C24QT7	
14	2210100157	Nguyễn	**Đức**	12/05/2004					C24QT5	
15	2210100164	Lê Thị Thu	**Hà**	05/06/2003					C24QT5	
16	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	19/08/2004					C24QT7	
17	2210100158	Đặng Minh	**Hiếu**	10/03/2004					C24QT5	
18	2210100228	Nguyễn Đoan	**Hồ**	01/06/2004					C24QT7	
19	2210100162	Nguyễn Thị Diễm	**Huỳnh**	16/07/2004					C24QT5	
20	2210100213	Võ Trọng	**Hùng**	20/10/2003					C24QT6	
21	2210100204	Nguyễn Thị Trúc	**Hương**	04/09/2004					C24QT6	
22	2210100205	Đoái Dĩ	**Khang**	18/01/2004					C24QT6	
23	2210100214	Nguyễn Đình	**Khôi**	25/09/2004					C24QT6	
24	2210100194	Nguyễn Hà	**My**	04/09/2004					C24QT6	
25	2210100224	Trương Thanh	**Ngân**	12/01/2004					C24QT7	
26	2210100211	Văn Thị Kim	**Ngân**	27/09/2004					C24QT6	
27	2210100188	Lê Thị Hoài	**Ngọc**	04/08/2002					C24QT6	
28	2210100195	Phạm Như	**Ngọc**	21/09/2004					C24QT6	
29	2210100226	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	12/01/2004					C24QT7	
30	2210100166	Nguyễn Thị Uyên	**Nhi**	02/10/2004					C24QT5	
31	2210100159	Phạm Thị Yến	**Nhi**	15/06/2004					C24QT5	
32	2210100190	Trần Thị Phương	**Nhi**	14/06/2004					C24QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100209	Võ Thị Quỳnh	**Như**	29/02/2004					C24QT6	
34	2210100210	Nguyễn Thái	**Phong**	22/04/2002					C24QT6	
35	2210010115	Nguyễn Thanh	**Phú**	30/07/2004					C24QT7	
36	2210100227	Võ Ngọc Phi	**Phụng**	24/05/2004					C24QT7	
37	2210100229	Phạm Anh	**Quốc**	19/11/2004					C24QT7	
38	2210100144	Nguyễn Thị Kiều	**Quyên**	03/09/2004					C24QT5	
39	2210100172	Cao Thị Mỹ	**Quyền**	02/12/2004					C24QT5	
40	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	
41	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Tâm**	05/02/2004					C24QT6	
42	2210100176	Trần Quốc	**Thanh**	02/06/2002					C24QT5	
43	2210100147	Hồ Lê Thanh	**Thảo**	02/11/2004					C24QT5	
44	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	31/08/2000					C24QT6	
45	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	**Thu**	15/11/2004					C24QT6	
46	2210100191	Lê Minh	**Thư**	14/06/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm……..
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm……..
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110902103 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Lương Thị Ngọt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
2	2210100193	Đào Thị Ngọc	**Thương**	03/11/2004					C24QT6	
3	2210100198	Phan Thành	**Thương**	16/02/2004					C24QT6	
4	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	
5	2210100174	Võ Nguyễn Kiều	**Tiên**	26/03/2003					C24QT5	
6	2210100183	Lê Hoàng Trọng	**Tín**	18/07/2000					C24QT6	
7	2210100148	Cù Thị Quỳnh	**Trâm**	14/09/2004					C24QT5	
8	2210100149	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	20/05/2004					C24QT5	
9	2210100200	Phạm Trần Tuyết	**Trinh**	21/02/2004					C24QT6	
10	2210100223	Thái Đình	**Trí**	14/01/2003					C24QT7	
11	2210100185	Trần Thị Mộng	**Tuyền**	15/10/2004					C24QT6	
12	2210100218	Nguyễn Đức	**Tuyến**	15/11/2004					C24QT7	
13	2210100177	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	08/05/2004					C24QT5	
14	2210040003	Nguyễn Đào Anh	**Tú**	18/06/2003					C24QT5	
15	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	**Uyên**	20/09/2004					C24QT6	
16	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	**Vân**	27/04/2004					C24QT7	
17	2210100180	Nguyễn Trí	**Vinh**	20/10/2004					C24QT6	
18	2210100165	Nguyễn Yến	**Vy**	24/09/2004					C24QT5	
19	2210100155	Nguyễn Thị Như	**Ý**	25/06/2004					C24QT5	
20	2210100206	Trần Như	**Ý**	09/10/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902102 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004					C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004					C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003					C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004					C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004					C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004					C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004					C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004					C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004					C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004					C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004					C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004					C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004					C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004					C24QT4	
15	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004					C24QT3	
16	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004					C24QT4	
17	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004					C24QT4	
18	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004					C24QT4	
19	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000					C24QT3	
20	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004					C24QT3	
21	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004					C24QT3	
22	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004					C24QT4	
23	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004					C24QT3	
24	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004					C24QT3	
25	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004					C24QT4	
26	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004					C24QT3	
27	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004					C24QT4	
28	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004					C24QT4	
29	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004					C24QT4	
30	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004					C24QT4	
31	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004					C24QT3	
32	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004					C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004					C24QT3	
34	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004					C24QT4	
35	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004					C24QT4	
36	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004					C24QT4	
37	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004					C24QT3	
38	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004					C24QT4	
39	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004					C24QT4	
40	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004					C24QT3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: MH110902102 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004					C24QT3	
2	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004					C24QT3	
3	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004					C24QT4	
4	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004					C24QT4	
5	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001					C24QT3	
6	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004					C24QT3	
7	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004					C24QT3	
8	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004					C24QT3	
9	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004					C24QT3	
10	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004					C24QT3	
11	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004					C24QT3	
12	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003					C24QT4	
13	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004					C24QT4	
14	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004					C24QT3	
15	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004					C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Mã lớp học phần: MH110427101 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Đào Văn Đạt

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100068	Trần Nguyễn Quỳnh	**Anh**	12/04/2002					C23QT2	
2	2110100025	Nguyễn Thanh	**Bình**	08/11/2003					C23QT1	
3	2110100101	Nguyễn Thị Kim	**Chung**	20/11/2003					C23QT3	
4	2110100097	Phan	**Chung**	17/03/2003					C23QT3	
5	2110100076	Võ Quỳnh Thanh	**Cường**	07/12/2003					C23QT3	
6	2110100044	Huỳnh Công	**Danh**	25/07/2002					C23QT2	
7	2110100031	Nguyễn Thị Thúy	**Duy**	30/11/2003					C23QT1	
8	2110100035	Khổng Ánh	**Dương**	21/05/2003					C23QT1	
9	2110100022	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	29/05/2003					C23QT1	
10	2110100004	Nguyễn Nhựt	**Hào**	14/08/2002					C23QT1	
11	2110100029	Lê Huỳnh	**Hân**	28/02/2003					C23QT1	
12	2110100005	Nguyễn Thị Cẩm	**Hân**	13/02/2002					C23QT1	
13	2110100095	Nguyễn Thị Minh	**Hiền**	08/08/2003					C23QT3	
14	2110100051	Võ Thị Mỹ	**Hòa**	28/01/2003					C23QT2	
15	2110100039	Phan Thị Ngọc	**Huế**	24/11/2003					C23QT2	
16	2110100006	Đặng Diễm	**Huyền**	30/07/2002					C23QT1	
17	2110100080	Trần Thị Ngọc	**Huyền**	24/11/2003					C23QT3	
18	2110100054	Lương Minh	**Hương**	19/03/2003					C23QT2	
19	2110100087	Trần Thị	**Hương**	26/11/2003					C23QT3	
20	2110100079	Mai Phú	**Khang**	03/10/2003					C23QT3	
21	2110100138	Phan Đăng	**Khoa**	27/01/2003					C23QT2	
22	2110100085	Nguyễn Thị	**Kiều**	17/06/2003					C23QT3	
23	2110100016	Phạm Thị	**Lan**	18/01/2003					C23QT3	
24	2110100064	Nguyễn Thị Kiều	**Liên**	17/01/2003					C23QT2	
25	2110100089	Nguyễn Thị Trúc	**Liên**	21/09/2003					C23QT3	
26	2110100073	Nguyễn Khánh	**Linh**	06/03/2003					C23QT3	
27	2110100105	Trần Hoàng	**Linh**	03/05/2003					C23QT3	
28	2110100081	Trần Quang	**Linh**	13/09/2003					C23QT3	
29	2110100001	Nguyễn Thành	**Long**	22/04/2001					C23QT3	
30	2110100003	Đinh Văn	**Lộc**	05/12/2001					C23QT1	
31	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	**My**	12/05/2003					C23QT2	
32	2110100055	Trần Hà	**My**	28/01/2003					C23QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Mã lớp học phần: MH110427101 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Đào Văn Đạt

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100015	Nguyễn Thị	**Nga**	17/03/2003					C23QT1	
2	2110100096	Nguyễn Thị Hồng	**Ngân**	25/09/2003					C23QT3	
3	2110100030	Nguyễn Thái	**Nguyên**	14/01/2003					C23QT1	
4	2110100041	Trần Thị Thanh	**Nhi**	09/04/2003					C23QT2	
5	2110100049	Trịnh Thị Yến	**Nhi**	16/02/2003					C23QT2	
6	2110100018	Nguyễn Thị Kiều	**Oanh**	25/12/2003					C23QT1	
7	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	**Phát**	01/07/2003					C23QT2	
8	2110100058	Châu Hải	**Phi**	25/03/2003					C23QT2	
9	2110100074	Lê Thái	**Phương**	02/09/2002					C23QT3	
10	2110100103	Nguyễn Bùi Hải	**Quan**	03/07/2003					C23QT3	
11	2110100100	Nguyễn Bé	**Quàng**	25/05/2003					C23QT3	
12	2110100033	Nguyễn Anh	**Quốc**	08/12/2003					C23QT1	
13	2110100057	Lê Thị Tú	**Quyên**	14/02/2003					C23QT2	
14	2110100034	Trần Thị Bích	**Quyên**	02/09/2000					C23QT1	
15	2110100077	Võ Lê Thu	**Thảo**	12/05/2002					C23QT3	
16	2110100098	Vũ Thị Thu	**Thảo**	09/11/2002					C23QT3	
17	2110100099	Nguyễn Phước	**Thịnh**	29/03/2003					C23QT3	
18	2110100094	Đoàn Minh	**Thư**	15/08/2003					C23QT3	
19	2110100009	Hàn Xuân	**Thy**	20/11/1999					C23QT1	
20	2110100032	Hà Mỹ	**Tiên**	08/07/2003					C23QT1	
21	2110100084	Cù Phi	**Tiến**	02/01/2003					C23QT3	
22	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	22/12/2003					C23QT3	
23	2110100066	Trương Văn Cu	**Trinh**	06/05/2003					C23QT2	
24	2110100046	Phan Minh	**Trí**	17/08/2003					C23QT2	
25	2110100092	Lê Thị Thanh	**Trúc**	21/12/2003					C23QT1	
26	2110100013	Hồ Bích	**Tuyền**	15/05/2003					C23QT1	
27	2110100007	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	20/10/2000					C23QT1	
28	2110100020	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	06/11/2003					C23QT1	
29	2110100059	Nguyễn Tường	**Vi**	31/03/2003					C23QT2	
30	2110100008	Huỳnh Nhật Tường	**Vy**	19/10/2002					C23QT1	
31	2110100037	Nguyễn Lê Tường	**Vy**	19/07/2003					C23QT2	
32	2110100021	Nguyễn Tường	**Vy**	13/09/2003					C23QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100019	Huỳnh Thị Nhã	**Yến**	24/10/2003					C23QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Mã lớp học phần: MH110427102 **Số tín chỉ: 4**

Giảng viên giảng dạy: Đào Văn Đạt

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu	**An**	29/10/2003					C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân	**Anh**	10/03/2003					C23QT6	
3	2110100210	Phan Thị Mai	**Anh**	07/07/2003					C23QT5	
4	2110100111	Lê Trần Quốc	**Cơ**	30/12/2003					C23QT4	
5	2110100194	Phạm Thị Thùy	**Dung**	23/09/2001					C23QT6	
6	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Duy**	05/07/2003					C23QT5	
7	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002					C22QT4	
8	2110100149	Đỗ Thị Anh	**Đào**	03/04/2003					C23QT5	
9	2110100192	Hồng Gia	**Đức**	06/11/2003					C23QT6	
10	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền	**Giang**	01/06/2003					C23QT6	
11	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	07/11/2003					C23QT6	
12	2110100121	Nguyễn Thị Như	**Hảo**	18/09/2003					C23QT4	
13	2110100128	Nguyễn Thị Hồng	**Hạnh**	10/03/2003					C23QT4	
14	2110100169	Phan Ngọc	**Hằng**	20/07/2003					C23QT5	
15	2110100213	Huỳnh Công	**Hậu**	08/11/2002					C23QT5	
16	2110100161	Võ Thị Cẩm	**Huyền**	24/05/2003					C23QT5	
17	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan	**Hương**	04/04/2003					C23QT6	
18	2110100171	Nguyễn Đăng	**Khoa**	27/05/2001					C23QT5	
19	2110100155	Đặng Thị Phương	**Lam**	30/09/2003					C23QT5	
20	2110100193	Nguyễn Khánh	**Linh**	18/06/2003					C23QT6	
21	2110100160	Nguyễn Văn	**Minh**	16/05/2003					C23QT5	
22	2110100166	Huỳnh Lê Hoài	**Nam**	19/09/2003					C23QT5	
23	2110100133	Lê Thị Kim	**Ngân**	09/08/2003					C23QT4	
24	2110100125	Trần Thảo	**Ngân**	28/03/2003					C23QT4	
25	2110100115	Võ Thị Kim	**Ngân**	24/06/2003					C23QT4	
26	2110100164	Nguyễn Minh	**Nhàn**	05/07/2003					C23QT5	
27	2110100215	Cao Thị Hoài	**Nhi**	19/10/2003					C23QT4	
28	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhi**	04/08/2003					C23QT6	
29	2110100123	Võ Hoàng Kim	**Nhi**	23/02/2003					C23QT4	
30	2110100176	Lê Thị Hoài	**Nhiên**	12/09/2003					C23QT5	
31	2110100127	Trần Hạo	**Nhiên**	26/09/2003					C23QT4	
32	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh	**Như**	05/08/2003					C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	27/06/2001					C23QT4	
34	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003					C23QT6	
35	2110100172	Nguyễn Thị Kiều	**Nương**	21/10/2003					C23QT5	
36	2110100113	Nguyễn Thụy Hoàng	**Oanh**	12/07/2003					C23QT4	
37	2110100135	Huỳnh Thế	**Phát**	19/01/2003					C23QT4	
38	2110100119	Vương Thị Bích	**Phụng**	01/03/2003					C23QT4	
39	2110100167	Dương Tiến	**Quí**	08/02/2003					C23QT5	
40	2110100145	Võ Quốc	**Quy**	03/05/2003					C23QT5	
41	2110100143	Nguyễn Thị Yến	**Tâm**	03/02/2003					C23QT5	
42	2110100207	Đặng Thị Phương	**Thanh**	12/10/2003					C23QT6	
43	2110100147	Lê Minh	**Thành**	02/04/2003					C23QT5	
44	2110100183	Nguyễn Thanh	**Thảo**	14/01/2003					C23QT6	
45	2010100160	Tô Loan	**Thảo**	18/04/2002					C22QT5	
46	2110100186	Lê Thị Hồng	**Thắm**	18/10/2003					C23QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110427102 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Đào Văn Đạt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 05/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 4** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100141	Lê Nguyễn Anh	**Thi**	16/08/2002					C23QT5	
2	2110100173	Trần Quốc	**Thoãn**	10/10/2003					C23QT5	
3	2110100150	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	31/03/2003					C23QT5	
4	2110100144	Bùi Thị Thủy	**Tiên**	30/05/2003					C23QT5	
5	2110100163	Kim Thị Kiều	**Tiên**	08/09/2003					C23QT5	
6	2110100156	Trần Thị Thủy	**Tiên**	01/11/2003					C23QT5	
7	2110100170	Đỗ Phương	**Tiến**	16/01/2003					C23QT5	
8	2110100124	Nguyễn Phạm Thu	**Trang**	25/06/2003					C23QT4	
9	2110100153	Nguyễn Thùy	**Trang**	16/01/2003					C23QT5	
10	2110100117	Trương Ngọc Bảo	**Trân**	21/08/2002					C23QT4	
11	2110100132	Trần Diễm	**Trinh**	17/08/2003					C23QT4	
12	2110100178	Bơ Nah Ria Prong	**Tuệ**	02/04/2003					C23QT6	
13	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyền**	23/11/2003					C23QT4	
14	2110100211	Trương Thị Kim	**Tuyền**	19/09/2003					C23QT5	
15	2110100200	Phan Thạch Hồng	**Vân**	15/02/2003					C23QT6	
16	2110100214	Nguyễn Văn	**Vinh**	07/05/2003					C23QT6	
17	2110100152	Ngô Thị Thảo	**Vy**	12/11/2003					C23QT4	
18	2110100126	Trịnh Thu Trường	**Vy**	04/12/2003					C23QT4	
19	2110100116	Nguyễn Thị Như	**Ý**	28/01/2003					C23QT4	
20	2110100140	Nguyễn Thị Như	**Ý**	05/08/2003					C23QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm……
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm……
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105039 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110503901 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110130009	Huỳnh Thị Ngọc	**Bích**	30/03/2003					C23TA	
2	2110130023	Nguyễn Hà Ngọc	**Châu**	21/11/2003					C23TA	
3	2110130031	Phạm Đào Ngọc	**Hân**	18/09/2003					C23TA	
4	2110130004	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	06/01/2001					C23TA	
5	2110130018	Đặng Trần Anh	**Khôi**	22/07/2003					C23TA	
6	2110130014	Giang Dương	**Ly**	02/11/2003					C23TA	
7	2110130036	Huỳnh Văn	**Lý**	20/02/2002					C23TA	
8	2110130003	Trần Lý Khánh	**Ngân**	17/10/2002					C23TA	
9	2110130037	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	16/09/2003					C23TA	
10	2110130029	Trần Thị Yến	**Nhi**	08/05/2003					C23TA	
11	2110130002	Phạm Hữu An	**Nhiên**	26/12/1999					C23TA	
12	2110130001	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	29/08/2000					C23TA	
13	2110130030	Phạm Đào Ngọc	**Như**	18/09/2003					C23TA	
14	2110130015	Nguyễn Tấn	**Phước**	23/01/2003					C23TA	
15	2110130019	Phan Thị Kim	**Phượng**	28/07/2003					C23TA	
16	2110130012	Nguyễn Đại	**Tài**	12/04/2003					C23TA	
17	2110130024	Mai Hồ Như	**Thảo**	29/06/2003					C23TA	
18	2110100177	Đoàn Võ Minh	**Thư**	13/01/2003					C23TA	
19	2110130034	Đỗ Nguyễn Minh	**Thy**	07/12/2003					C23TA	
20	2110130011	Phạm Thị Cẩm	**Tiên**	25/02/2003					C23TA	
21	2110130017	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	21/02/2003					C23TA	
22	2110130028	Nguyễn Hữu	**Trí**	01/09/2003					C23TA	
23	2110130032	Trần Tường	**Vy**	03/01/2001					C23TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104124 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110412401 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 1** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003					C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003					C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003					C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003					C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002					C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003					C23KT1	
7	2110110045	Đào Ngọc	**Hồng**	20/06/2002					C23KT2	
8	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003					C23KT1	
9	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003					C23KT1	
10	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003					C23KT1	
11	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003					C23KT1	
12	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003					C23KT1	
13	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003					C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003					C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003					C23KT1	
16	2110110015	Lê Bùi Thúy	**Nhi**	24/08/2003					C23KT1	
17	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003					C23KT1	
18	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003					C23KT2	
19	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003					C23KT1	
20	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003					C23KT1	
21	2110110021	Võ Lâm Hồng	**Nhung**	24/10/2003					C23KT1	
22	2110110028	Hồ Hồng Yến	**Oanh**	25/08/2003					C23KT1	
23	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003					C23KT1	
24	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995					C23KT1	
25	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003					C23KT1	
26	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003					C23KT1	
27	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003					C23KT2	
28	2110110024	Vũ Minh	**Thư**	29/10/2003					C23KT1	
29	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999					C23KT2	
30	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999					C23KT1	
31	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003					C23KT2	
32	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003					C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003					C23KT1	
34	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003					C23KT2	
35	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002					C23KT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403604 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái	**An**	08/08/2004					C24QT6	
2	2210100171	Đặng Quỳnh	**Anh**	23/04/2004					C24QT5	
3	2210100212	Lê Thị Hồng	**Anh**	27/04/2003					C24QT6	
4	2210100207	Lý Thảo	**Anh**	30/06/2004					C24QT6	
5	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn	**Anh**	23/03/2004					C24QT6	
6	2210100167	Võ Kim	**Anh**	22/11/2004					C24QT5	
7	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	**Ái**	18/09/2004					C24QT6	
8	2210100153	Âu Hoài	**Ân**	29/10/2004					C24QT5	
9	2210100178	Bùi Nguyễn Việt	**Cường**	14/10/2004					C24QT5	
10	2210100150	Lê Thị Kim	**Dung**	15/08/2004					C24QT5	
11	2210100151	Lê Đặng Mỹ	**Duyên**	10/07/2004					C24QT5	
12	2210100154	Phạm Thị Tuyết	**Dương**	09/11/2004					C24QT5	
13	2210100157	Nguyễn	**Đức**	12/05/2004					C24QT5	
14	2210100164	Lê Thị Thu	**Hà**	05/06/2003					C24QT5	
15	2210100158	Đặng Minh	**Hiếu**	10/03/2004					C24QT5	
16	2210100162	Nguyễn Thị Diễm	**Huỳnh**	16/07/2004					C24QT5	
17	2210100213	Võ Trọng	**Hùng**	20/10/2003					C24QT6	
18	2210100204	Nguyễn Thị Trúc	**Hương**	04/09/2004					C24QT6	
19	2210100205	Đoái Dĩ	**Khang**	18/01/2004					C24QT6	
20	2210100214	Nguyễn Đình	**Khôi**	25/09/2004					C24QT6	
21	2210100194	Nguyễn Hà	**My**	04/09/2004					C24QT6	
22	2210100211	Văn Thị Kim	**Ngân**	27/09/2004					C24QT6	
23	2210100188	Lê Thị Hoài	**Ngọc**	04/08/2002					C24QT6	
24	2210100195	Phạm Như	**Ngọc**	21/09/2004					C24QT6	
25	2210100166	Nguyễn Thị Uyên	**Nhi**	02/10/2004					C24QT5	
26	2210100159	Phạm Thị Yến	**Nhi**	15/06/2004					C24QT5	
27	2210100190	Trần Thị Phương	**Nhi**	14/06/2004					C24QT6	
28	2210100209	Võ Thị Quỳnh	**Như**	29/02/2004					C24QT6	
29	2210100210	Nguyễn Thái	**Phong**	22/04/2002					C24QT6	
30	2210100144	Nguyễn Thị Kiều	**Quyên**	03/09/2004					C24QT5	
31	2210100172	Cao Thị Mỹ	**Quyền**	02/12/2004					C24QT5	
32	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	**Tài**	13/02/2003					C24QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	**Tâm**	05/02/2004					C24QT6	
34	2210100147	Hồ Lê Thanh	**Thảo**	02/11/2004					C24QT5	
35	2210100173	Nguyễn Ngọc Quốc	**Thái**	18/11/2003					C24QT5	
36	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	31/08/2000					C24QT6	
37	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	**Thu**	15/11/2004					C24QT6	
38	2210100191	Lê Minh	**Thư**	14/06/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403604 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.9** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100193	Đào Thị Ngọc	**Thương**	03/11/2004					C24QT6	
2	2210100198	Phan Thành	**Thương**	16/02/2004					C24QT6	
3	2210100175	Phạm Hoàng Mỹ	**Tiên**	26/08/2004					C24QT5	
4	2210100174	Võ Nguyễn Kiều	**Tiên**	26/03/2003					C24QT5	
5	2210100183	Lê Hoàng Trọng	**Tín**	18/07/2000					C24QT6	
6	2210100148	Cù Thị Quỳnh	**Trâm**	14/09/2004					C24QT5	
7	2210100149	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	20/05/2004					C24QT5	
8	2210100200	Phạm Trần Tuyết	**Trinh**	21/02/2004					C24QT6	
9	2210100196	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	11/02/2004					C24QT6	
10	2210100185	Trần Thị Mộng	**Tuyền**	15/10/2004					C24QT6	
11	2210100177	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyết**	08/05/2004					C24QT5	
12	2210040003	Nguyễn Đào Anh	**Tú**	18/06/2003					C24QT5	
13	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	**Uyên**	20/09/2004					C24QT6	
14	2210100180	Nguyễn Trí	**Vinh**	20/10/2004					C24QT6	
15	2210100165	Nguyễn Yến	**Vy**	24/09/2004					C24QT5	
16	2210100155	Nguyễn Thị Như	**Ý**	25/06/2004					C24QT5	
17	2210100206	Trần Như	**Ý**	09/10/2004					C24QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403602 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.12** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
8	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
9	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
10	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
11	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
12	2210100081	Lê Hoàng Tuyết	**Hân**	18/07/2004					C24QT2	
13	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
16	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004					C24QT2	
17	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
18	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
19	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
20	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
21	2210100004	Hồ Quang Anh	**Khoa**	10/05/2001					C24QT1	
22	2210100041	Trương Đăng	**Khoa**	02/07/2004					C24QT2	
23	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
24	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	15/12/2004					C24QT2	
25	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
26	2210100044	Tạ Thị Ngọc	**Mai**	15/02/2004					C24QT2	
27	2210100050	Phan Tiểu	**Mẫn**	29/05/2004					C24QT2	
28	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
29	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
30	2210100047	Hà Thị Mỹ	**Ngọc**	17/04/2004					C24QT2	
31	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	
32	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc	**Nhi**	25/03/2004					C24QT2	
34	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
35	2210100063	Nguyễn Thị	**Oanh**	15/01/2004					C24QT2	
36	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001					C22QT5	
37	2210100058	Lê Kim	**Phượng**	19/06/2003					C24QT2	
38	2210100057	Lăng Tiến	**Quốc**	26/01/2004					C24QT2	
39	2210100045	Phạm Thị Phương	**Quyên**	25/08/2004					C24QT2	
40	2210100046	Đỗ Ngọc	**Sơn**	09/10/2004					C24QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403602 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.11** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100036	Trần Thị Phương	**Thảo**	06/07/2004					C24QT2	
2	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	
3	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
4	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
5	2210100033	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	13/08/2004					C24QT2	
6	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	
7	2210100052	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	03/11/2004					C24QT2	
8	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
9	2210100055	Đàm Thị Thanh	**Thúy**	09/11/2002					C24QT2	
10	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
11	2210100113	Đoàn Lê Minh	**Thư**	08/08/2004					C24QT1	
12	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
13	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
14	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
15	2210100070	Bùi Ngọc	**Tuyết**	08/12/2004					C24QT2	
16	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
17	2210100025	Nguyễn Thị Yến	**Vi**	06/03/2004					C24QT2	
18	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
19	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.8** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004					C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003					C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004					C24KT1	
4	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001					C24KT2	
5	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004					C24KT2	
6	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003					C24KT2	
7	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994					C24KT2	
8	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002					C24KT1	
9	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003					C24KT1	
10	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002					C24KT1	
11	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000					C24KT1	
12	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000					C24KT1	
13	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004					C24KT2	
14	2210110021	Dương Thị Diễm	**Kiều**	20/09/2004					C24KT1	
15	2210110022	Dương Thị Trúc	**Linh**	31/12/2004					C24KT1	
16	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004					C24KT2	
17	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004					C24KT2	
18	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004					C24KT2	
19	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004					C24KT1	
20	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004					C24KT2	
21	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004					C24KT1	
22	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004					C24KT1	
23	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004					C24KT1	
24	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004					C24KT1	
25	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004					C24KT2	
26	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004					C24KT1	
27	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004					C24KT1	
28	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004					C24KT2	
29	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004					C24KT1	
30	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004					C24KT2	
31	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000					C24KT1	
32	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004					C24KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004					C24KT2	
34	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003					C24KT2	
35	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004					C24KT2	
36	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110403601 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004					C24KT1	
2	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003					C24KT2	
3	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004					C24KT1	
4	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998					C24KT2	
5	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004					C24KT2	
6	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001					C24KT1	
7	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002					C24KT1	
8	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
9	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004					C24KT2	
10	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004					C24KT1	
11	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004					C24KT2	
12	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004					C24KT1	
13	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004					C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày.....tháng.....năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: MH110212901 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tưởng

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040002	Dương Kiện	**An**	23/08/2003					C24CK1	
2	2210040037	Phạm Thanh	**An**	08/05/2004					C24CK2	
3	2210040051	Trần Hoàng	**An**	28/10/2004					C24CK2	
4	2210040088	Lê Ngọc	**Bảo**	07/10/2004					C24CK3	
5	2210040071	Nguyễn Phạm Thái	**Bình**	17/12/2004					C24CK2	
6	2210040084	Nguyễn Tấn	**Bình**	11/12/2004					C24CK3	
7	2210040053	Phạm Quốc	**Bình**	24/11/2004					C24CK2	
8	2210040054	Nguyễn Tấn	**Dàng**	03/10/2004					C24CK2	
9	2210040083	Nguyễn Lê Trọng	**Diễn**	11/11/2004					C24CK3	
10	2210040100	Hồ Quốc	**Duy**	16/11/2003					C24CK3	
11	2210040025	Nguyễn Thanh	**Dủng**	25/05/2004					C24CK1	
12	2210040039	Nguyễn Hoàng	**Dũng**	05/05/2004					C24CK2	
13	2210040041	Hoàng Ngọc	**Dương**	08/02/2004					C24CK2	
14	2210040048	Lộc Hòa	**Dương**	12/03/2004					C24CK2	
15	2210040095	Nguyễn Ngọc Thái	**Dương**	28/11/2004					C24CK3	
16	2210040077	Bùi Sỉ	**Đan**	03/10/2004					C24CK3	
17	2210040085	Lâm Thành	**Đạt**	23/12/2004					C24CK3	
18	2210040035	Nguyễn Hoàng Hải	**Đăng**	02/02/2004					C24CK1	
19	2210040081	Nguyễn Kim	**Đông**	25/06/2003					C24CK3	
20	2210040050	Lý Hoa	**Đức**	20/10/2004					C24CK2	
21	2210040021	Trần Anh	**Đức**	02/09/2004					C24CK1	
22	2210040072	Võ Trọng	**Đức**	04/03/2003					C24CK3	
23	2210040033	Nguyễn Trường	**Giang**	01/10/2004					C24CK1	
24	2210040096	Lê Phước	**Hải**	26/03/2004					C24CK3	
25	2210040079	Huỳnh Minh	**Hân**	05/10/2004					C24CK3	
26	2210040028	Phan Văn	**Hậu**	17/03/2004					C24CK1	
27	2210040045	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	11/03/2004					C24CK2	
28	2210040008	Phạm Quốc	**Huy**	15/09/2003					C24CK1	
29	2210040032	Trần Trí	**Huy**	07/04/2004					C24CK1	
30	2210040073	Lý Văn	**Huỳnh**	01/01/2004					C24CK3	
31	2210040022	Phạm Vĩnh	**Hưng**	05/12/2003					C24CK1	
32	2210040067	Trần Duy	**Khang**	19/06/2004					C24CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040017	Trần Thanh	**Khang**	30/03/2004					C24CK1	
34	2210040029	Võ Trường	**Khang**	02/09/2004					C24CK1	
35	2210040078	Nguyễn Trọng	**Khải**	04/03/2004					C24CK3	
36	2210040062	Bùi Anh	**Khoa**	07/01/2004					C24CK2	
37	2210040065	Huỳnh Tấn	**Khoa**	18/11/2004					C24CK2	
38	2210040014	Lê Nguyễn Đăng	**Khoa**	15/09/2004					C24CK2	
39	2210040018	Lê Võ Hoàng Đăng	**Khoa**	28/10/2004					C24CK1	
40	2210040089	Nguyễn Thành	**Khoa**	11/01/2004					C24CK3	
41	2210040092	Phạm Tuấn	**Kiệt**	04/20/2004					C24CK3	
42	2210040030	Ngô Hoàng	**Linh**	09/06/2004					C24CK1	
43	2210040036	Nguyễn Nhật	**Linh**	07/11/2004					C24CK1	
44	2210040064	Mã Văn Hoài	**Long**	17/20/2004					C24CK2	
45	2210040086	Phạm Văn Phước	**Lộc**	25/01/2004					C24CK3	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110212901 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tưởng Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 04/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.8** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210040010	Tô Hữu	**Lợi**	22/11/2003					C24CK1	
2	2210040038	Nguyễn Hoàng Minh	**Luân**	04/09/2004					C24CK2	
3	2210040042	Trần Ngọc	**Mẫn**	20/10/2004					C24CK2	
4	2210040052	Nguyễn Hoàng	**Minh**	14/08/2004					C24CK2	
5	2210040012	Võ Hoàng	**Nam**	27/09/2004					C24CK1	
6	2210040044	Trần Hữu	**Nghĩa**	02/08/2004					C24CK2	
7	2210040049	Sok Quang	**Nhật**	15/09/2003					C24CK2	
8	2210040058	Hồ Văn	**Phát**	01/03/2004					C24CK2	
9	2210040070	Đinh Hoài	**Phong**	05/09/2004					C24CK2	
10	2210040097	Nguyễn Thanh	**Phong**	11/10/2004					C24CK3	
11	2210040074	Nguyễn Trần Hồng	**Phúc**	03/12/2004					C24CK3	
12	2210040011	Nguyễn Trọng	**Phúc**	08/02/2004					C24CK1	
13	2210040082	Trương Trọng	**Phúc**	07/01/2004					C24CK3	
14	2210040001	Võ Hoàng	**Phúc**	02/11/2003					C24CK1	
15	2210040063	Nguyễn Tài	**Phước**	10/06/2004					C24CK2	
16	2210040060	Hà Lê Thành	**Tài**	04/05/2004					C24CK2	
17	2210040056	Nguyễn Hữu	**Tài**	26/11/2004					C24CK1	
18	2210040076	Nguyễn Minh	**Tài**	24/04/2003					C24CK3	
19	2210040020	Nguyễn Quang	**Tân**	05/04/2004					C24CK1	
20	2210040034	Võ Thanh	**Tân**	03/11/2004					C24CK1	
21	2210040016	Trần Quốc	**Thái**	28/02/2004					C24CK1	
22	2210040015	Nguyễn Quốc	**Thống**	03/08/2004					C24CK1	
23	2210040091	Nguyễn Minh	**Thuận**	29/08/2004					C24CK3	
24	2210040047	Chế Thành	**Trung**	21/02/2004					C24CK2	
25	2210040093	Ngô Nhật	**Trường**	05/02/2004					C24CK3	
26	2210040090	Nguyễn Thanh	**Trường**	26/04/2004					C24CK3	
27	2210040040	Phan Văn	**Trường**	19/12/2004					C24CK2	
28	2210040057	Lê Thanh	**Tùng**	04/11/2004					C24CK2	
29	2210040075	Nguyễn Quốc	**Việt**	08/08/2004					C24CK3	
30	2210040066	Lê Nguyễn Quốc	**Vinh**	18/07/2004					C24CK2	
31	2210040043	Nguyễn Phúc	**Vinh**	03/11/2003					C24CK2	
32	2210040087	Nguyễn Trần Quang	**Vinh**	27/01/2004					C24CK3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210040019	Võ Chí	**Vĩnh**	10/11/2004					C24CK1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Writing 2 - MH1105033 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110503301 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 07/04/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.10** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan	**Anh**	30/09/2002					C22TA1	
2	2110130009	Huỳnh Thị Ngọc	**Bích**	30/03/2003					C23TA	
3	2110130023	Nguyễn Hà Ngọc	**Châu**	21/11/2003					C23TA	
4	2110130031	Phạm Đào Ngọc	**Hân**	18/09/2003					C23TA	
5	2110130004	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	06/01/2001					C23TA	
6	2110130018	Đặng Trần Anh	**Khôi**	22/07/2003					C23TA	
7	2110130014	Giang Dương	**Ly**	02/11/2003					C23TA	
8	2110130036	Huỳnh Văn	**Lý**	20/02/2002					C23TA	
9	2110130003	Trần Lý Khánh	**Ngân**	17/10/2002					C23TA	
10	2110130037	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	16/09/2003					C23TA	
11	2110130029	Trần Thị Yến	**Nhi**	08/05/2003					C23TA	
12	2110130001	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	29/08/2000					C23TA	
13	2110130030	Phạm Đào Ngọc	**Như**	18/09/2003					C23TA	
14	2110130015	Nguyễn Tấn	**Phước**	23/01/2003					C23TA	
15	2110130019	Phan Thị Kim	**Phượng**	28/07/2003					C23TA	
16	2110130012	Nguyễn Đại	**Tài**	12/04/2003					C23TA	
17	2110130024	Mai Hồ Như	**Thảo**	29/06/2003					C23TA	
18	2110100177	Đoàn Võ Minh	**Thư**	13/01/2003					C23TA	
19	2110130034	Đỗ Nguyễn Minh	**Thy**	07/12/2003					C23TA	
20	2110130011	Phạm Thị Cẩm	**Tiên**	25/02/2003					C23TA	
21	2110130017	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	21/02/2003					C23TA	
22	2110130028	Nguyễn Hữu	**Trí**	01/09/2003					C23TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thực hành kế toán sản xuất doanh nghiệp 2 - MH1104122 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110412201 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 06/04/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.12** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003					C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003					C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003					C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003					C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002					C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003					C23KT1	
7	2110110045	Đào Ngọc	**Hồng**	20/06/2002					C23KT2	
8	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003					C23KT1	
9	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003					C23KT1	
10	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003					C23KT1	
11	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003					C23KT1	
12	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003					C23KT1	
13	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003					C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003					C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003					C23KT1	
16	2110110015	Lê Bùi Thúy	**Nhi**	24/08/2003					C23KT1	
17	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003					C23KT1	
18	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003					C23KT2	
19	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003					C23KT1	
20	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003					C23KT1	
21	2110110021	Võ Lâm Hồng	**Nhung**	24/10/2003					C23KT1	
22	2110110028	Hồ Hồng Yến	**Oanh**	25/08/2003					C23KT1	
23	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003					C23KT1	
24	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995					C23KT1	
25	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003					C23KT1	
26	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003					C23KT2	
27	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003					C23KT1	
28	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003					C23KT2	
29	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999					C23KT2	
30	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999					C23KT1	
31	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003					C23KT2	
32	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003					C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003					C23KT1	
34	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003					C23KT2	
35	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002					C23KT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ Tỷ lệ đạt:_____%

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Thiết kế web cơ bản (HTML/CSS/JS) - MH1101035 Giám thị 1: _____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110103501 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: _____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Đình Khôi Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Ngày thi: 31/03/2023 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi:** Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210010053	Đặng Bảo	**Bảo**	21/01/2003					C24TH2	
2	2210010038	Bùi Minh	**Danh**	09/09/2003					C24TH2	
3	2210010066	Trần Vũ	**Duy**	07/04/2004					C24TH2	
4	2210010050	Bùi Anh	**Dũng**	24/04/2004					C24TH2	
5	2210010045	Đoàn Hải	**Dương**	05/02/2004					C24TH2	
6	2210010067	Trần Văn	**Đạt**	28/08/2004					C24TH2	
7	2210010040	Lâm Thế	**Hiển**	26/09/2004					C24TH2	
8	2210010068	Nguyễn Văn	**Hoàng**	24/10/2004					C24TH2	
9	2210010064	Phạm Lê Thanh	**Hoàng**	13/09/2004					C24TH2	
10	2210010056	Lê Thanh	**Huy**	10/02/2004					C24TH2	
11	2210010044	Lâm Phương	**Khánh**	19/01/2004					C24TH2	
12	2210010051	Trần Thanh	**Khoa**	29/10/2003					C24TH2	
13	2210010058	Phạm Thùy	**Linh**	27/10/2004					C24TH2	
14	2210010072	Lê Văn	**Lộc**	08/11/2004					C24TH2	
15	2210010043	Phan Văn	**Lượng**	13/10/2003					C24TH2	
16	2210010073	Trần Cao Kim	**Ngân**	10/08/2004					C24TH2	
17	2210010065	Lê Như	**Ngọc**	16/08/2004					C24TH2	
18	2210010060	Văn Phước	**Ngời**	09/01/2003					C24TH2	
19	2210010046	Nguyễn Minh	**Nhân**	20/03/2004					C24TH2	
20	2210010047	Bùi Tấn	**Phát**	04/12/2004					C24TH2	
21	2210010057	Nguyễn Thị Linh	**Phương**	25/12/2004					C24TH2	
22	2210010061	Nguyễn Quốc	**Quài**	24/08/2003					C24TH2	
23	2210010034	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	06/06/2004					C24TH2	
24	2210010042	Nguyễn Trần Anh	**Thư**	18/08/2004					C24TH2	
25	2210010071	Nguyễn Hữu	**Tình**	25/07/2004					C24TH2	
26	2210010085	Phạm Anh	**Toàn**	27/05/2004					C24TH2	
27	2210010027	Lê Thị Thanh	**Trúc**	22/10/2004					C24TH2	
28	2210010062	Tô Thanh	**Tuấn**	13/06/2004					C24TH2	
29	2210010069	Huỳnh Ang Hải	**Yến**	28/07/2004					C24TH2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ vắng thi: _____. Số bài thi/Số tờ:_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:_____%**

Ngày……tháng…..năm…….
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày……tháng…..năm…….
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)